HAGL Agrico

CỘNG HƯỞNG SỨC MẠNH

Củng cố nội lực

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Triết lý kinh doanh

Một doanh nghiệp được đánh giá cao là một doanh nghiệp phải tạo lập được sự an toàn và ổn định trong hoạt động của mình; Tạo ra lợi nhuận bền vững; Và thị phần liên tục được mở rộng và tăng trưởng.

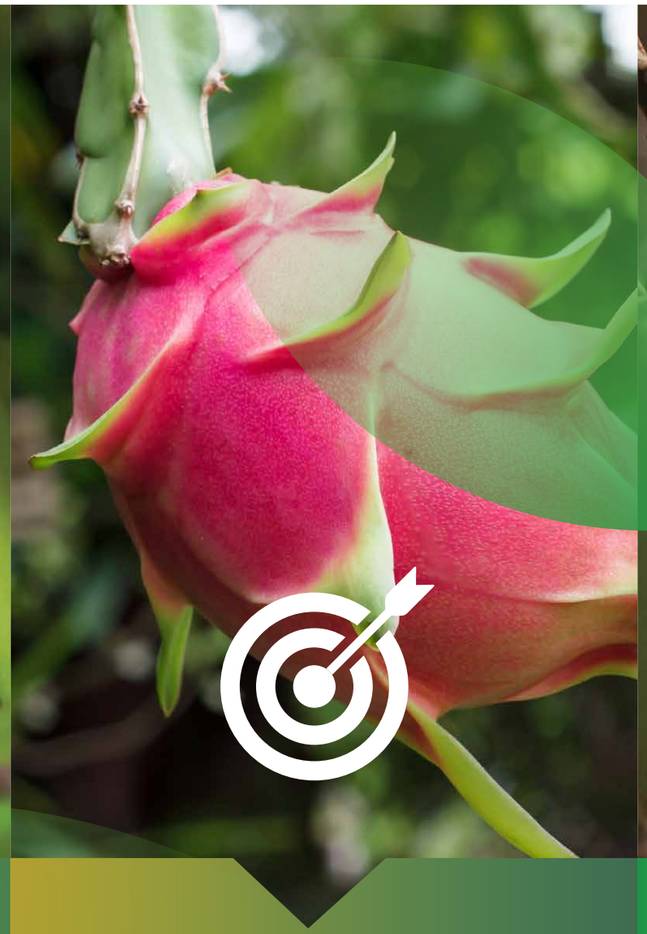

Sứ mệnh

Áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để khai thác tiềm năng đất đai nhằm tạo ra các hàng hóa nông nghiệp hữu ích cho cuộc sống. Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, Cổ đông và toàn xã hội.

Tầm nhìn

Trở thành Công ty hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp.

Giá trị cốt lõi

Tôn trọng: Tôn trọng bản thân; Tôn trọng đồng nghiệp; Tôn trọng Công ty; Tôn trọng đối tác; Hợp tác trong sự tôn trọng.

Tuân thủ: Tuân thủ luật pháp và các quy định của Việt Nam, Lào, Campuchia. Tuân thủ quy định, chính sách của Công ty.

Sẵn sàng vượt khó: Sẵn sàng đối đầu với thử thách, nỗ lực và quyết tâm tìm mọi giải pháp để vượt qua.

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG 04

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 06

Quá trình hình thành và phát triển 08

Các sự kiện khác 10

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 12

Danh sách Công ty con và Công ty liên kết 16

Cơ cấu bộ máy quản lý 18

Định hướng phát triển của Công ty 22

Các yếu tố rủi ro 24

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH 26

+ Thông tin Hội đồng Quản trị
+ Thông tin Ban Tổng Giám đốc
+ Thông tin Ban Kiểm soát

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 36

+ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
+ Tình hình tài chính
+ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
+ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 42

+ Đánh giá chung về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018
+ Tình hình tài chính
+ Kế hoạch trong năm 2019

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 48

+ Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Công ty
+ Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
+ Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 50

+ Thành viên và các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018
+ Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018

QUẢN TRỊ CÔNG TY 54

+ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị
+ Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng giám đốc
+ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 58

+ Chính sách bảo vệ môi trường
+ Chính sách liên quan tới người lao động
+ Chính sách đối với cộng đồng địa phương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 66

Thông tin Chung

Tên Công ty tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ
HOÀNG ANH GIA LAI

Tên Công ty tiếng Anh:
HOANG ANH GIA LAI AGRICULTURAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt:
HAGL AGRICO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 26/05/2010, cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 30/11/2018

Trụ sở chính:
Địa chỉ: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng,
Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Số điện thoại: (+84.269) 222 2283
Fax: (+84.269) 222 2218
Website: www.haagrico.com.vn

Vốn điều lệ:
(Vốn đầu tư của Chủ sở hữu)
8.868.438.950.000 VND

Mã Cổ phiếu:
HNG

Mệnh giá Cổ phần:
10.000 VNĐ

Tổng số Cổ phần:
886.843.895

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Ông **Đoàn Nguyên Đức**
Chủ tịch HĐQT

> **"Trong tương lai, Công ty sẽ tập trung quản trị bằng ứng dụng công nghệ thông tin trên cơ sở số hóa và cơ giới hóa cho tất cả các khâu trong chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp: từ canh tác đến thu hoạch, vận chuyển, lưu kho, chế biến chuyên biệt theo nhóm cây ăn trái và cây công nghiệp, đặc biệt là ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0."**

Kính thưa Quý Cổ đông và Nhà đầu tư!

Chúng ta cùng nhìn lại chặng đường kể từ khi Công ty niêm yết trên Sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tháng 7 năm 2015, là 04 năm Quý cổ đông và Nhà đầu tư gắn bó và đồng hành với HAGL Agrico, đã cùng Công ty trải qua rất nhiều khó khăn và thách thức. Đỉnh điểm là từ 2015 tới 2017, khi giá cao su sụt giảm sâu, đẩy Công ty vào tình trạng hết sức khó khăn.

Trước tình hình này, năm 2017, Công ty quyết định tận dụng quỹ đất còn dôi dư để trồng cây ăn trái với mục đích lấy ngắn nuôi dài. Và kết quả trong năm 2018, ngành cây ăn trái đã mang lại nguồn doanh thu khả quan với mức 2.352 tỷ đồng, đóng góp 63,8% trong tổng doanh thu của Công ty. Đến cuối năm 2018, tổng diện tích cây ăn trái đã trồng được là 16.676 ha với các sản phẩm chủ lực là chuối, thanh long, xoài, mít, bưởi da xanh, và hơn 10 loại cây ăn trái khác. Với diện tích cây ăn trái này, dự kiến sẽ mang lại nguồn doanh thu chủ lực cho năm 2019, điều này cho thấy HAGL Agrico đã và đang tái cơ cấu kinh doanh đúng hướng. Đây là tiền đề và động lực quan trọng, tạo đà cho chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững của Công ty.

Ngoài ra, việc ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO") có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của HAGL Agrico. THACO đã hỗ trợ vốn cho Công ty đầu tư mở rộng diện tích cây ăn trái và thanh toán các khoản nợ đến hạn. THACO cũng đã giúp Công ty trong việc cải tiến công tác quản trị sản xuất, ứng dụng cơ giới hóa vào nông nghiệp và sắp xếp lại công tác kho vận, giúp nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm.

Bước sang năm 2019, được xác định là năm bản lề quan trọng để HAGL Agrico đi vào giai đoạn 2020-2025, phát triển bền vững, để từ đó làm đòn bẩy đưa HAGL Agrico trở thành Công ty nông nghiệp hàng đầu Châu Á vào năm 2025.

Để thực hiện mục tiêu này, ngoài những nhiệm vụ cốt lõi là mở rộng diện tích cây ăn trái, chọn lọc danh mục sản phẩm hiệu quả và kiện toàn bộ máy quản trị, thì Công ty sẽ tập trung quản trị bằng ứng dụng công nghệ thông tin trên cơ sở số hóa và cơ giới hóa cho tất cả các khâu trong chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp: từ canh tác đến thu hoạch, vận chuyển, lưu kho, chế biến chuyên biệt theo nhóm cây ăn trái và cây công nghiệp, đặc biệt là ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Với nguồn sức mạnh được cộng hưởng, nội lực hiện tại đang được củng cố, tôi tin rằng HAGL Agrico sẽ thực sự vượt qua được giai đoạn khó khăn để bước vào giai đoạn phát triển bền vững, vươn xa tầm Châu lục.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Ngân hàng và Đối tác đã đồng hành cùng HAGL Agrico trên chặng đường gian nan vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới. Sự đồng hành và ủng hộ của Quý vị sẽ là động lực để chúng tôi tiếp tục phát triển, theo đuổi sứ mệnh "Phát triển Nông nghiệp bền vững".

Chủ tịch HĐQT

Đoàn Nguyên Đức

Quá trình hình thành và phát triển

Những Sự kiện tiêu biểu

2010

Ký hợp đồng thuê đất với Chính phủ Lào và Campuchia, mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2011

Thành lập Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai.

2012

- Khởi công xây dựng cụm công nghiệp mía đường tại tỉnh Attapeu.
- Khởi công xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su, công suất 25.000 tấn/năm tại tỉnh Attapeu.

2013

- Khánh thành cụm công nghiệp mía đường và nhà máy chế biến mủ cao su.
- Động thổ dự án sân bay Quốc tế Nong Khang, Hủa Phăn, Lào vào ngày 14/03/2013.

2014

- Hoàn thành việc trồng trọt 38.428 ha cao su tại Việt Nam, Lào và Campuchia.
- Tham gia lĩnh vực chăn nuôi bò thịt.
- Khởi công xây dựng nhà máy dầu cọ công suất 45 tấn buồng quả tươi/giờ tại Campuchia.

2015

- Tháng 4 năm 2015, Công ty đổi tên từ Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.
- Tháng 5 năm 2015, Công ty khánh thành và bàn giao Sân bay quốc tế Hoàng Anh Attapeu.
- Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/7/2015.

2016

- Thực hiện đề án Tái cấu trúc tổng thể Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.
- Phát triển dự án trồng cây chanh dây. Tham gia chuỗi giá trị xuất khẩu quả chanh dây có nguồn gốc từ Lào và Việt Nam.
- Triển khai trồng thanh long, chuối và hơn mười loại cây ăn trái khác.

2017

- Tiến hành thu hoạch thanh long và chuối.
- Ký hợp tác chiến lược về việc hệ thống siêu thị Bách Hóa Xanh của Công ty cổ phần Thế Giới Di Động sẽ tiêu thụ sản phẩm trái cây của HAGL Agrico

2018

Ký hợp tác chiến lược với Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải, công ty chuyên về cơ khí, tự động hóa, có kinh nghiệm xây dựng nhà máy và quản lý sản xuất trên quy mô lớn.

Các sự kiện khác

Ngày 8/8/2018, Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAGL) đã ký kết hợp tác chiếc lược với Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải (THACO) về việc THACO sẽ đầu tư vào HAGL Agrico. Sự kiện được tổ chức tại TP.HCM dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc. Cùng dự có nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang; Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy TP.HCM Nguyễn Thiện Nhân; Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển; đại diện lãnh đạo, nguyên lãnh đạo của Chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; cùng lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương, đại diện doanh nghiệp của Việt Nam.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

Ngành cây ăn trái

Năm 2018, ngành cây ăn trái đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu hoạt động của Công ty với hơn 15 loại trái cây. Đến nay, Công ty đã trồng được 16.676 ha tại Việt Nam, Lào và Campuchia.

Công ty luôn chú trọng sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn GlobalGAP hoặc các tiêu chuẩn tương đương, đủ điều kiện xuất khẩu vào các thị trường khó tính như: Nhật Bản, Hàn Quốc và Châu Âu. Về thị trường tiêu thụ hiện tại, Công ty lấy thị trường Trung Quốc làm nền tảng và sẽ chiếm giữ vị trí nhà cung cấp các loại trái cây nhiệt đới lớn nhất tại thị trường này. Công ty cũng sẽ đầu tư chế biến sâu sau thu hoạch để gia tăng giá trị sản phẩm và đa dạng hóa nguồn cung sản phẩm cho thị trường.

Trong tương lai, Công ty hướng dẫn đến tự động hóa tất cả các khâu sản xuất, từ làm đất, trồng cây, làm cỏ đến thu hoạch, đóng gói, và bảo quản sau thu hoạch. Công ty cũng sẽ đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất chế biến hiện đại tạo ra các sản phẩm từ trái cây với chất lượng cao như nước ép trái cây cô đặc, sấy khô, và cấp đông để xuất khẩu, có tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

VỚI DIỆN TÍCH 16.676 HA CÂY ĂN TRÁI, DỰ KIẾN SẼ MANG LẠI NGUỒN DOANH THU CHỦ LỰC CHO NĂM 2019

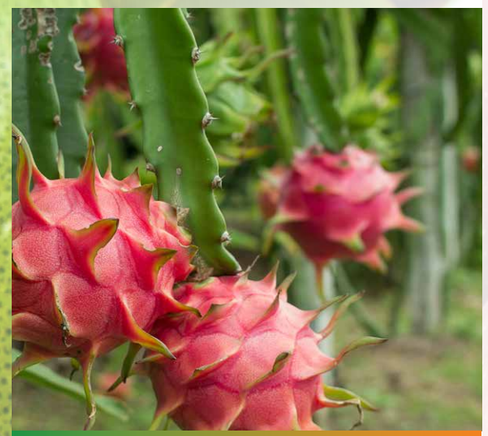

17.848 TẤN

Thanh long

Năm 2018, sản lượng thanh long đạt gần 17.848 tấn mang lại doanh thu 553 tỷ đồng cho Công ty. Các vườn thanh long đều được áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt Israel và quy trình chăm sóc theo tiêu chuẩn GlobalGAP.

107.689 TẤN

Chuối

Tổng diện tích vườn chuối của HAGL Agrico đến cuối năm 2018 là 4.658 ha. HAGL Agrico chủ yếu xuất khẩu chuối qua đường biển và đường bộ vào Trung Quốc và sang một số nước khác như Hàn Quốc và Singapore. Sản lượng chuối năm 2018 đạt 107.689 tấn, mang lại doanh thu 1.550 tỷ đồng.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (tiếp theo)

a. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

Ngành cao su

Trong năm qua, công ty đang duy trì ổn định và chăm sóc 47.122 ha cao su, trong đó 20.361 ha tại Lào, 4.972 tại Việt Nam và 21.789 ha tại Campuchia.

Công ty đang vận hành 01 nhà máy chế biến mủ cao su có công suất 25.000 tấn/năm tại Lào. Dự kiến đến năm 2022, toàn bộ diện tích cao su sẽ được đưa vào khai thác.

b. Địa bàn kinh doanh

Ngành nông nghiệp của HAGL AGRICO nằm tại tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia trong phạm vi khoảng cách khoảng 200km

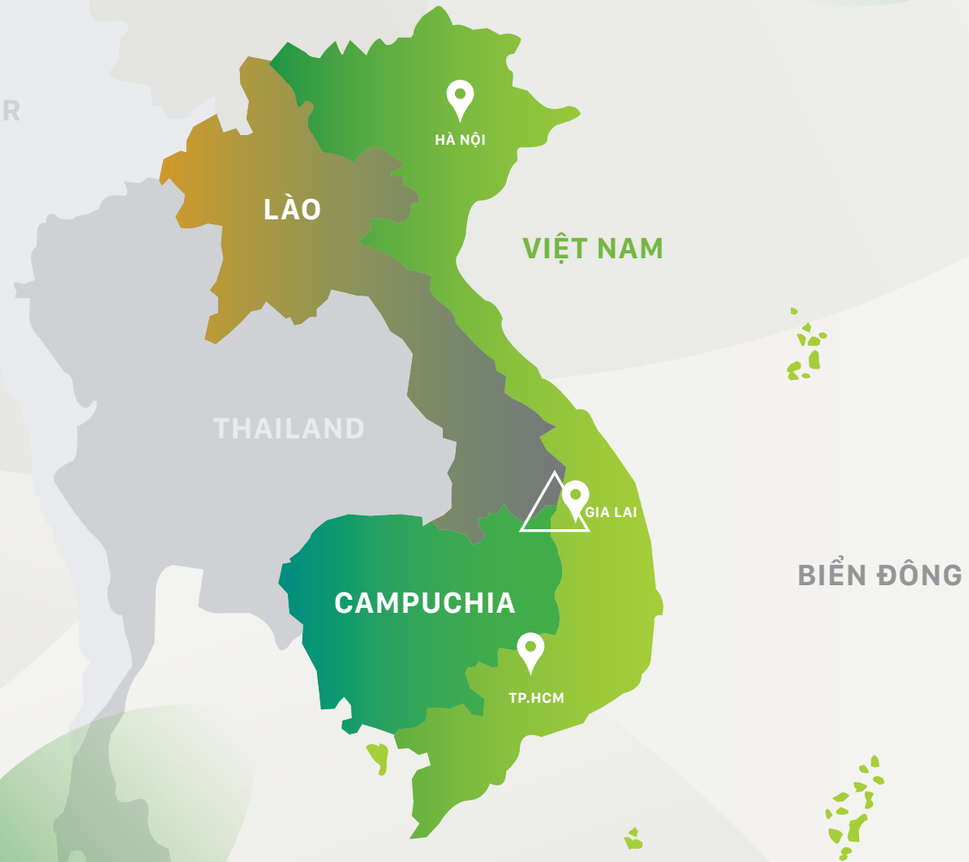

Danh sách Công ty con và Công ty liên kết

1.1. Đầu tư vào các Công ty con

Chi tiết về các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

01. Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

Trụ sở: Attapeu, Lào
Vốn điều lệ: 40.000.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 97.77%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su; trồng các loại cây ăn trái và cây gia vị, chăn nuôi trâu bò

02. Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu: 97,77%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, trồng mía, chăn nuôi trâu bò

03. Công ty cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk

Trụ sở: Đắk Lắk, Việt Nam
Vốn điều lệ: 320.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu: 99,53%
Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, hồ tiêu, cà phê

04. Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu

Trụ sở: Attapeu, Lào
Vốn điều lệ: 85.000.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su; trồng cây cọ dầu, chế biến cọ dầu; trồng các loại cây ăn trái

05. Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 16.000.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su

06. Công ty TNHH Heng Brothers

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 17.000.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su

07. Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 67.000.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su, trồng các loại cây ăn trái

08. Công ty TNHH CRD

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 57.000.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su

09. Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 42.500.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 97,77%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cọ dầu, chế biến cọ dầu, trồng các loại cây ăn trái

10. Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Xuất nhập khẩu các sản phẩm được sản xuất từ mía, đường, cọ dầu, cao su; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng khác

11. Công ty cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 550.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu: 99%
Lĩnh vực kinh doanh: Chăn nuôi trâu, bò; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi, hoạt động dịch vụ trồng trọt

12. Công ty cổ phần Đông Pênh

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu: 99,90%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây có hạt, quả chứa dầu

13. Công ty cổ phần An Đông Mia

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu: 99,5%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây có hạt, quả chứa dầu

14. Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 75.746.953 USD
Tỷ lệ sở hữu: 99,5%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây cọ dầu và xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu, trồng các loại cây ăn trái

15. Công ty TNHH Duan Penh Agrico

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 1.000.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 99,90%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cọ dầu, xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu, trồng các loại cây ăn trái

16. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương

Trụ sở: Tp.HCM, Việt Nam
Vốn điều lệ: 1.465.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu: 100%

17. Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu

Trụ sở: Tp.HCM, Việt Nam
Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và chế biến các sản phẩm từ cao su, trồng rừng và chăm sóc rừng, xây dựng nhà, công trình dân dụng, buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, vận tải hàng hóa

18. Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)

Trụ sở: Kratie, Campuchia
Vốn điều lệ: 49.000.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su; trồng các loại cây ăn trái ngắn ngày và dài ngày

19. Công ty TNHH Cao su Bình Phước Kratie 2

Trụ sở: Kratie, Campuchia
Vốn điều lệ: 49.000.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su; trồng các loại cây ăn trái ngắn ngày và dài ngày

20. Công ty TNHH Sovann Vuthy

Trụ sở: Kratie, Campuchia
Vốn điều lệ: 5.000 USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, chế biến mủ cao su

21. Công ty cổ phần Cao su Trung Nguyên

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 820.800.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu: 99,91%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng chăm sóc cây cao su và các loại cây ăn quả

1.2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty cổ phần Cao su Bidiphar

Giá trị đầu tư:
299.447.923.000 VND
Tỷ lệ sở hữu: 49,14%
Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su

Cơ cấu bộ máy quản lý

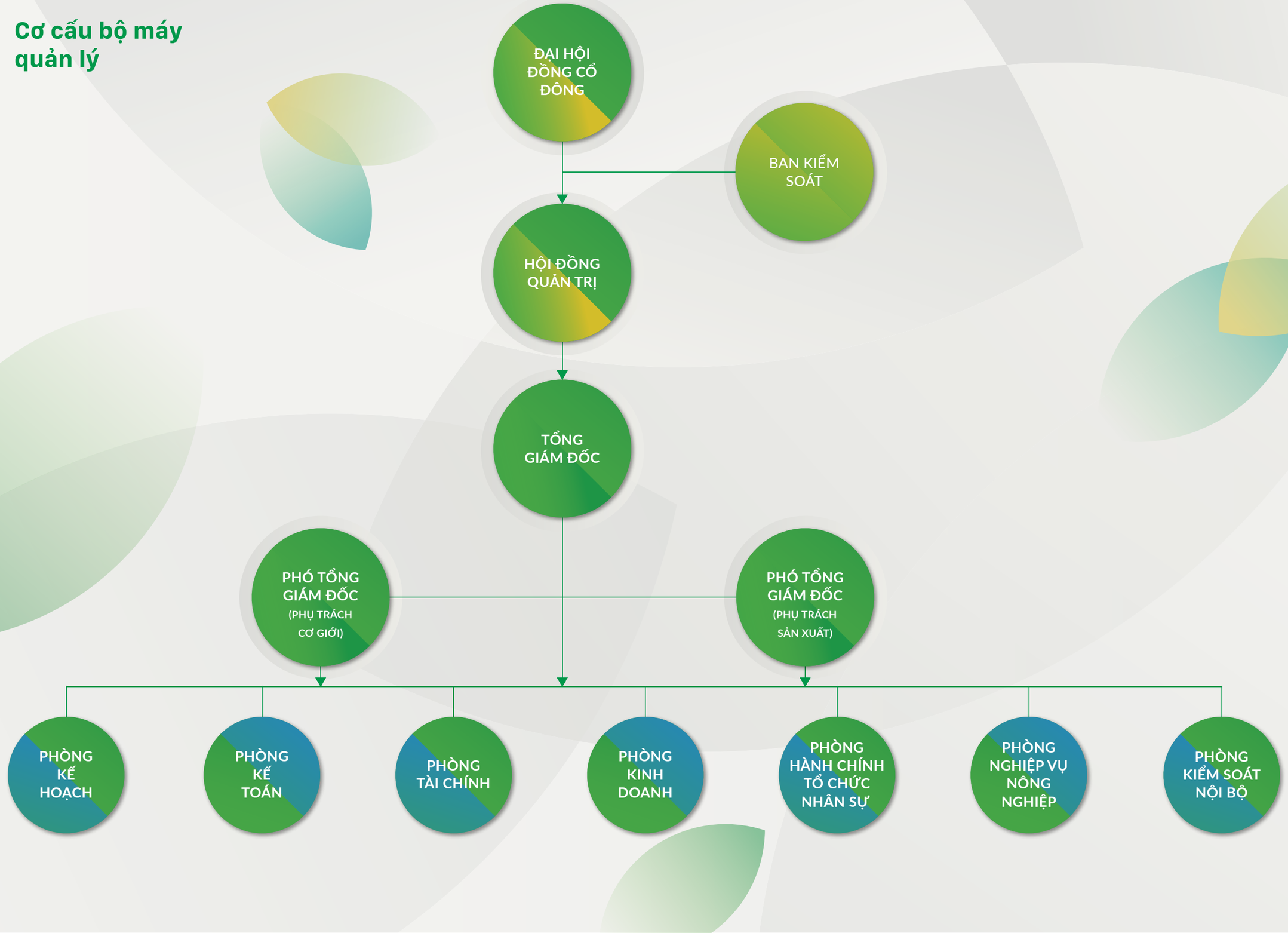

CỘNG HƯỞNG SỨC MẠNH!

Định hướng phát triển của Công ty

Chiến lược kinh doanh

- Định vị là Công ty nông nghiệp đẳng cấp khu vực Châu Á và hàng đầu Việt Nam.
- Sản phẩm chủ lực là cây ăn trái. Công ty cũng sẽ đầu tư chế biến sâu sau thu hoạch để gia tăng giá trị sản phẩm và đa dạng hoá nguồn cung sản phẩm cho thị trường.
- Lợi ích cốt lõi cho khách hàng là sự an tâm đối với sản phẩm nông nghiệp mang thương hiệu HAGL Agrico do tính rõ ràng và minh bạch trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Mục tiêu phát triển bền vững

- Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường và chia sẻ cho cộng đồng xã hội các giá trị lợi ích mà mình thu được từ hoạt động đầu tư và kinh doanh.
- Tạo việc làm ổn định cho người lao động tại địa phương.

Các yếu tố rủi ro

HAGL Agrico hoạt động đa ngành và trên nhiều lãnh thổ khác nhau, vì vậy có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Do đó, Công ty đã xác định các loại rủi ro và thực hiện các biện pháp để quản lý các rủi ro đó.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Bản chất

Giá cả các sản phẩm đầu ra của ngành trồng trọt và chăn nuôi của Công ty như cao su và cây ăn trái đều có liên thông với thị trường thế giới và biến động hằng ngày, hàng giờ. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến mức lợi nhuận, dòng tiền và tiến độ thu hồi vốn đầu tư.

Hiện thị trường Trung Quốc đang phát triển rất mạnh mẽ và đầy cơ hội nhưng việc HAGL Agrico tập trung xuất khẩu vào một thị trường là tiềm ẩn rủi ro.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty quản lý rủi ro bằng hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả và ứng dụng Khoa học – Kĩ thuật – Công nghệ để nâng cao năng suất, đảm bảo nhất quán chất lượng sản phẩm áp dụng trong tất cả các ngành nghề kinh doanh. Công ty luôn kiểm soát, đảm bảo chi phí đầu tư và giá thành ở mức thấp nhất. Vì vậy, biên độ lợi nhuận của các sản phẩm đầu ra đủ lớn để có thể duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu cho Công ty trong tình huống giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động mạnh. Ngoài ra, chiến lược đa dạng hóa sản phẩm cũng giúp cho Công ty lấy lợi nhuận của sản phẩm này bù cho sản phẩm khác khi giá cả một loại hàng hóa nào đó giảm trong khi các loại hàng hóa khác không bị ảnh hưởng. Trong tương lai dài, Công ty cũng sẽ nghiên cứu áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro như hợp đồng mua bán kì hạn, hợp đồng mua bán dài hạn ký với các đối tác lớn với giá cố định trước. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ từng bước dần đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, tập trung vào những quốc gia có sức tiêu thụ cao để tránh rủi ro biến động giá của một thị trường.

RỦI RO TỶ GIÁ

Bản chất

Trong những năm gần đây, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đặc biệt là đô la Mỹ) biến động không nhiều, nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng Nhà nước, vì vậy không ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn coi trọng công tác quản lý rủi ro tỷ giá và có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, đề phòng các ảnh hưởng xấu khi những biến động lớn về tỷ giá có thể xảy ra trong tương lai.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu là chủ yếu. Nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Công ty chủ động hơn trong việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

Kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài đều được Công ty tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất. Công ty sẽ cân nhắc tái cơ cấu danh mục nợ phù hợp với cơ cấu dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh theo loại tiền tệ.

RỦI RO LÃI SUẤT

Bản chất

Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án. Hơn 40% tổng nguồn vốn này được huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty chủ động xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc huy động từ vốn vay và trái phiếu thường, Công ty còn thực hiện huy động vốn từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi với lãi suất thấp từ nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chi phí vốn của các khoản này thường ở mức thấp, được xác định trước và không bị ảnh hưởng lớn bởi biến động lãi suất.

RỦI RO TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Bản chất

Công ty có những ngành nghề kinh doanh mà thời gian triển khai dự án dài như dự án cao su khoảng 7 năm, cây ăn trái lâu năm: từ 2-3 năm. Công tác triển khai bao gồm thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường, khai hoang, trồng trọt, xây dựng, chăm bón cây... Các vướng mắc nảy sinh trong bất cứ khâu nào đều có thể ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai toàn dự án, làm chậm tốc độ quay vòng vốn, ảnh hưởng chất lượng cây trồng và sản lượng thu hoạch tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Với nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án và mối quan hệ tốt với các cơ quan chức năng có liên quan, Công ty luôn chủ động trong kế hoạch triển khai các dự án của mình. Bên cạnh đó, nhờ có nhiều dự án được tiến hành gối đầu nhau, xen kẽ cây ngắn ngày và dài ngày, kế hoạch kinh doanh và tốc độ quay vòng vốn của Công ty không bị phụ thuộc vào từng dự án riêng lẻ.

RỦI RO PHÁP LÝ

Bản chất

Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty được chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán, các văn bản Luật và hướng dẫn dưới Luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, thị trường nông sản cũng bị chi phối bởi các rào cản thuế quan, kỹ thuật, môi trường và bảo hộ của các quốc gia nhập khẩu.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty xây dựng bộ phận pháp lý gồm các luật sư có bằng cấp và giàu kinh nghiệm. Bộ phận này thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để kịp thời tư vấn cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, bộ phận pháp lý còn có trách nhiệm rà soát các văn bản hợp đồng trong những giao dịch hằng ngày của Công ty để hạn chế các rủi ro có liên quan. Có các biện pháp dự báo và đa dạng hóa thị trường đầu ra để tránh bị phụ thuộc một thị trường.

CÁC RỦI RO PHI HỆ THỐNG KHÁC

Bản chất

Ngành kinh doanh nông nghiệp luôn gắn với một hay nhiều rủi ro phi hệ thống khác, chẳng hạn như: dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn, v.v. Dù muốn hay không thì các rủi ro này vẫn luôn tồn tại và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro

Công ty sẽ từng bước thí điểm áp dụng công nghệ cao trong dự báo thiên tai, dịch bệnh để có các biện pháp ứng phó chủ động. Công ty tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro cho từng ngành và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro. Đồng thời, xác định loại hình dịch vụ bảo hiểm đang có cho loại rủi ro đó và chi phí bảo hiểm. Trên cơ sở đó quyết định tự bảo hiểm hay mua bảo hiểm phù hợp cho từng loại rủi ro. Công ty đã mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro nhà xưởng, bảo hiểm rủi ro trong chăn nuôi cho các nông trường bò, bảo hiểm cây trồng cho các nông trường cao su, trái cây và gia vị. Mua bảo hiểm tai nạn lao động cho cán bộ công nhân viên, bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ 3.

Thành viên Ban Điều hành

Thông tin Hội đồng Quản trị

01

ÔNG ĐOÀN NGUYÊN ĐỨC

Chủ tịch HĐQT

- **Năm sinh:** 1963
- **Quá trình công tác:**
  + Từ năm 1992 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Chủ tịch HĐQT
- **Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

02

ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN

Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 1973
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ tài chính, bằng CFA, Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), Hội viên Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)
- **Quá trình công tác:**
  + Từ tháng 8/1996 đến tháng 11/2003: Công tác tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn A&C
  + Từ tháng 11/2003 đến tháng 10/2008: Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
  + Từ tháng 10/2008 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Thành viên HĐQT
- **Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

03

ÔNG NGUYỄN HÙNG MINH

Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 1961
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân tài chính kế toán – Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
- **Quá trình công tác:**
  + Từ 01/01/1979 - 31/12/1995: Chuyên viên Kế hoạch - Công ty Cơ khí GTVT Đồng Nai
  + Từ 01/01/1996 - 30/04/1997: Phó phòng Kế hoạch - Công ty Cơ khí GTVT Đồng Nai
  + Từ 01/05/1997 - 30/06/2003: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO")
  + Từ 01/07/2003 - 22/04/2013: Phó Tổng giám đốc - THACO
  + Từ 23/04/2013 - 18/04/2018: Tổng Giám đốc - THACO
  + Từ 19/04/2018 đến nay: Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị - THACO
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Thành viên HĐQT
- **Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị - THACO

Thành viên Ban Điều hành (tiếp theo)

Thông tin Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

04

ÔNG TRẦN BẢO SƠN

Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 1973
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Kinh doanh & Công nghệ Hà Nội
- **Quá trình công tác:**
  - + Từ 01/05/1997- 31/12/1999: Kỹ thuật viên Chi nhánh Đà Nẵng - THACO
  - + Từ 01/01/2000 - 30/06/2004: Trưởng Phòng Kinh doanh Showroom Kia Long Biên - THACO
  - + Từ 01/07/2004 - 07/08/2006: Giám đốc Chi nhánh Showroom Cần Thơ - THACO
  - + Từ 08/08/2006 - 30/04/2008: Giám đốc Chi nhánh Showroom Kia Long Biên - Thaco
  - + Từ 01/05/2008 - 31/03/2009: Giám đốc Khu vực Chi nhánh MD Khu vực Bắc Bộ - THACO
  - + Từ 01/04/2009 - 30/06/2009: Giám đốc Khu vực VPQT Khu vực Bắc Bộ - THACO
  - + Từ 01/07/2009 - 30/06/2010: Giám đốc Khu vực Chi nhánh MD Khu vực Bắc Bộ - THACO
  - + Từ 01/07/2010 - 18/04/2018: Giám đốc Khu vực Bắc Bộ - THACO
  - + Từ 19/04/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc THACO
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Thành viên HĐQT
- **Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Phó Tổng Giám đốc - THACO

05

BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH

Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 1977
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- **Quá trình công tác:**
  - + Từ năm 2001 đến 2006: Trưởng phòng kinh doanh của Xí nghiệp tư doanh Hoàng Anh
  - + Từ năm 2006 đến 2008: Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ nội thất Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 1 đến tháng 4/2009: Phó Phòng Kế hoạch đầu tư và Dự án của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 4 năm 2009: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2017: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 2/2015 đến tháng 5/2017: Phó Giám đốc tài chính Bệnh viên Đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ tháng 5/2017: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- **Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

06

BÀ VÕ THỊ HUYỀN LAN

Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 1971
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM, MBA Thương mại Cao cấp HEC - Pháp, Thạc sỹ Tài chính Đại học Paris Dauphine - Pháp
- **Quá trình công tác:**
  - + Từ năm 1996 đến năm 1998: Kế toán trưởng Công ty Prezioso
  - + Từ năm 1998 đến năm 2002: Kế toán trưởng Công ty Espace Bourbon An Lạc Việt Nam
  - + Từ năm 2002 đến năm 2006: Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính hệ thống Siêu thị BigC Việt Nam
  - + Từ năm 2007 đến nay: Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Thành viên HĐQT
- **Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
  - + Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn
  - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

07

ÔNG NGUYỄN QUAN ANH

Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 1969
- **Quá trình công tác:**
  - + Từ năm 1993 đến năm 2005: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
  - + Từ năm 2006 đến năm 2009: Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ xuất khẩu Hoàng Anh Gia Lai
  - + Từ năm 2010 đến tháng 6/2012: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai
  - + Từ năm 2013 đến 2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai, Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Kon Tum
  - + Từ năm 2016 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- **Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh

Thành viên Ban Điều hành (tiếp theo)

Thông tin Ban Tổng Giám đốc

01

BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH

Tổng Giám đốc

(Xem thông tin trong HĐQT)

02

ÔNG NGUYỄN QUAN ANH

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất

(Xem thông tin trong HĐQT)

03

ÔNG TRẦN BẢO SƠN

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Cơ giới hóa

(Xem thông tin trong HĐQT)

Thông tin Ban kiểm soát

Ban kiểm soát

01

ÔNG NGUYỄN ĐỨC QUANG

Trưởng Ban kiểm soát

- **Năm sinh:** 1988
- Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ ACCA, Chứng chỉ Kiểm toán viên Việt Nam CPA
- **Quá trình công tác:**
  + Từ tháng 12/2017: Kế toán trưởng, Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Trưởng Ban kiểm soát

02

ÔNG ĐẶNG CÔNG TRỰC

Thành viên Ban kiểm soát

- **Năm sinh:** 1970
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Apollos (USA), Cử nhân kinh tế - Đại học Kinh Tế Tp.HCM
- **Quá trình công tác:**
  + Từ 01/04/2006 - 31/12/2006: Phụ trách Tư vấn Tài chính kế toán - Ban Tư vấn - Kiểm toán nội bộ - THACO
  + Từ 01/01/2007 - 20/06/2013: Trưởng ban Tư vấn & Kiểm soát nội bộ - Ban Tư vấn - Kiểm toán nội bộ - THACO
  + Từ 21/06/2013 - 31/12/2013: Thành viên Ban kiểm soát - Ban Tư vấn - Kiểm toán nội bộ - THACO
  + Từ 01/01/2014 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - THACO
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Thành viên Ban kiểm soát

03

ÔNG PHẠM NGỌC CHÂU

Thành viên Ban kiểm soát

- **Năm sinh:** 1975
- **Trình độ chuyên môn:** Cử Nhân Kinh tế
- **Quá trình công tác:**
  + Từ năm 2001 đến năm 2003: Làm việc tại Công ty cổ phần Phát Triển Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn
  + Từ năm 2004 đến năm 2007: Làm việc tại Công ty TNHH Âu Á
  + Từ năm 2008 đến năm 2012: Làm việc tại Công ty cổ phần Quản lý Bất động sản Hoàng Anh Gia Lai
  + Từ năm 2012 đến nay: Làm việc tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- **Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:** Thành viên Ban kiểm soát

CỦNG CỐ NỘI LỰC

Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động trong năm

1.1 Kết quả kinh doanh năm 2018 so với năm 2017

Năm 2018, Công ty đạt doanh thu 3.688 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ. Lỗ sau thuế năm 2018 là 656 tỷ đồng. Nguyên nhân lỗ chủ yếu do trong năm Công ty thực hiện đánh giá các tài sản không hiệu quả, điều chỉnh chi phí đầu tư vườn cây cọ dầu vào chi phí chuyển đổi mục đích sang trồng cây ăn trái.

ĐVT: tỷ VND

CHỈ TIÊU	*2018*	*2017*	*% thực hiện 2018 so với 2017*
Doanh thu thuần	3.688	3.321	11,1%
(Lỗ) Lợi nhuận trước thuế	(626)	441	-241,9%
(Lỗ) Lợi nhuận sau thuế	(656)	530	-223,7%

Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực ngành nghề:

ĐVT: tỷ VND

STT	*NGÀNH NGHỀ*	*Năm 2018*	*Năm 2017*	*% thực hiện 2018 so với 2017*
1	Cao su	345	454	-24,0%
2	Cây ăn trái	2.352	1.618	45,4%
3	Gia vị	535	58	822,4%
4	Chăn nuôi	127	758	-83,2%
5	Căn hộ và cung cấp dịch vụ	38	108	-64,8%
6	Đường, sản phẩm, hàng hóa	291	325	-10,5%
	TỔNG CỘNG	3.688	3.321	11,1%

Doanh thu bán cây ăn trái đạt 2.352 tỷ đồng, tăng 45,4% so với năm 2017. Nguyên nhân do diện tích thu hoạch trái cây tăng.

Doanh thu bán ớt và tiêu đạt 535 tỷ đồng, tăng 822,4% so với năm 2017. Nguyên nhân do năm 2018 Công ty mới chính thức thu hoạch ớt.

Doanh thu bán bò đạt 127 tỷ đồng, giảm 83,2 % so với năm 2017. Nguyên nhân do Công ty chủ trương thu hẹp dần quy mô đàn bò và dự kiến chấm dứt mảng kinh doanh này trong năm 2019.

Doanh thu bán cao su đạt 345 tỷ đồng, giảm 24,0% so với năm 2017. Mặc dù giá mủ cao su có tăng trở lại nhưng mức tăng không nhiều nên HAGL Agrico chỉ khai thác ở mức vừa phải để duy trì chi phí chăm sóc vườn cây.

Doanh thu từ bán căn hộ và cung cấp dịch vụ đạt 38 tỷ đồng, giảm 64,8% so với năm 2017. Nguyên nhân do Công ty đã bán hết căn hộ và trong năm chỉ phát sinh doanh thu bán những căn hộ còn lại.

Doanh thu đường, sản phẩm và hàng hóa đạt 291 tỷ đồng, giảm 10,5% so với năm 2017. Nguyên nhân do trong năm Công ty không phát sinh doanh thu từ sản phẩm đường vì trong năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng dự án mía đường cho bên thứ ba.

Tình hình hoạt động trong năm (tiếp theo)

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT: tỷ VND

Chỉ tiêu	*2018*	*2017*	*Tăng/ Giảm 2017*
Tổng giá trị tài sản	**30.532**	**32.282**	**-5,42%**
Vay và nợ ngắn hạn	8.514	6.237	36,51%
Vay và nợ dài hạn	11.342	15.892	-28,63%
Tổng nợ phải trả	**19.856**	**22.129**	**-10,27%**

Tình hình tài sản

Tại ngày 31/12/2018, tổng tài sản được ghi nhận là 30.532 tỷ đồng, giảm 5,42% so với năm 2017, nguyên nhân do nợ vay giảm và Công ty đã thanh lý bớt tài sản không hiệu quả.

Tình hình nợ phải trả

Tại ngày 31/12/2018, tổng các khoản nợ vay phải trả giảm xuống còn 19.856 tỷ đồng so với mức 22.129 tỷ đồng vào cuối năm 2017 chủ yếu do nợ các bên liên quan giảm.

b. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu tài chính	*ĐVT*	*2018*	*2017*
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,49	0,70
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,34	0,54
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,65	0,69
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,86	2,18
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	1,90	1,68
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	0,12	0,10
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-17,79	15,96
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	-6,30	5,33
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	-2,09	1,58
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,15	20,11

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Từ năm 2016, Công ty đã chuyển đổi chiến lược kinh doanh, khẳng định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là ngành trồng trọt với trọng tâm là sản xuất cây ăn trái với quy mô thị trường tiêu thụ lớn, tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, thời gian thu hoạch nhanh và hiệu quả kinh tế trên diện tích khai thác cao. Bên cạnh đó, Công ty vẫn duy trì vườn cây cao su cho tương lai trong dài hạn.

Năm 2018 vừa qua, HAGL Agrico tiếp tục kiên trì thực hiện chiến lược bằng các hoạt động chuyển đổi diện tích cây trồng, đa dạng hóa sản phẩm, tích cực khai thác thị trường tiêu thụ trái cây tiềm năng nhất thế giới hiện tại là Trung Quốc. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục chăm sóc khai thác các vườn cây cao su đến tuổi.

Cây ăn trái: Công ty đã chuyển đổi một số vườn cây cao su, cọ dầu kém hiệu quả tại Việt Nam, Lào và Campuchia để chuyển sang trồng cây ăn trái. Đến nay, Công ty đã trồng được 16.676 ha với với các sản phẩm chủ lực là chuối, thanh long, xoài, sầu riêng, bưởi da xanh, mít và hơn 10 loại cây ăn trái khác. Hiện nay, các loại cây như chuối, thanh long, xoài, mít đã đi vào khai thác. Đây là các loại cây ăn trái phù hợp với khí hậu nhiệt đới, ngắn ngày và mang lại giá trị kinh tế cao.

Cây cao su: trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì chăm sóc 47.122 ha cao su.

Tình hình hoạt động trong năm (tiếp theo)

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: (theo danh sách cổ đông chốt ngày 08/04/2019)

Số lượng cổ phần	: 886.843.895 cổ phần
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng
Số cổ phần ưu đãi	: không có
Số cổ phần phổ thông	: 886.843.895 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành	: 886.843.895 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	: 886.843.895 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	*Số lượng cổ đông*	*Số lượng cổ phần nắm giữ*	*Tỷ lệ nắm giữ /VĐL*
Nhà nước			
Cổ đông trong nước	**2.560**	**879.580.465**	**99,18%**
Tổ chức	*17*	*637.802.305*	*71,92%*
Cá nhân	*2.543*	*241.778.160*	*27,26%*
Cổ đông nước ngoài	**50**	**7.263.430**	**0,82%**
Tổ chức	*16*	*7.020.580*	*0,79%*
Cá nhân	*34*	*242.850*	*0,03%*
Tổng cộng	**2.610**	**886.843.895**	**100,00%**

c. Danh sách cổ đông lớn

01. Tên tổ chức/ Cá nhân : **Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**
Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD : 5900377720
Địa chỉ : 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Gia Lai, Việt Nam
Số lượng cổ phần đang nắm giữ : 512.665.840
Tỷ lệ nắm giữ /VĐL : 57,81%

02. Tên tổ chức/ Cá nhân : **Công ty cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai**
Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD : 5901046432
Số lượng cổ phần đang nắm giữ : 50.000.000
Tỷ lệ nắm giữ /VĐL : 5,64%

d. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tháng 3/2018, Công ty hoàn thành việc phát hành riêng lẻ cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 8.868.438.950.000 VND

Giao dịch cổ phiếu quỹ: trong năm 2018, Công ty không thực hiện mua bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: không có.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá chung về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

a. Doanh thu thuần

Năm 2018, Công ty đạt mức doanh thu thuần 3.688 tỷ đồng, tăng 11,1% so với năm 2017. Trong đó 86,7% doanh thu đến từ bán trái cây, ớt và mủ cao su, 13,3% doanh thu còn lại từ bán hàng hóa, bán bò, tiêu, căn hộ và dịch vụ. Cụ thể:

- Đóng góp lớn nhất cho doanh thu đến từ ngành trái cây, với 2.352 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 63,8% trong cơ cấu tổng doanh thu;
- Đứng thứ hai là doanh thu bán ớt, với 496 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 13,5% trong cơ cấu tổng doanh thu;
- Tiếp theo đứng thứ ba là doanh thu bán mủ cao su, với 345 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 9,4% trong cơ cấu tổng doanh thu;
- Còn lại 495 tỷ đồng doanh thu từ bán hàng hóa, bán bò, tiêu, căn hộ và dịch vụ, đóng góp 13,3% trong cơ cấu tổng doanh thu.

Cơ cấu doanh thu theo ngành

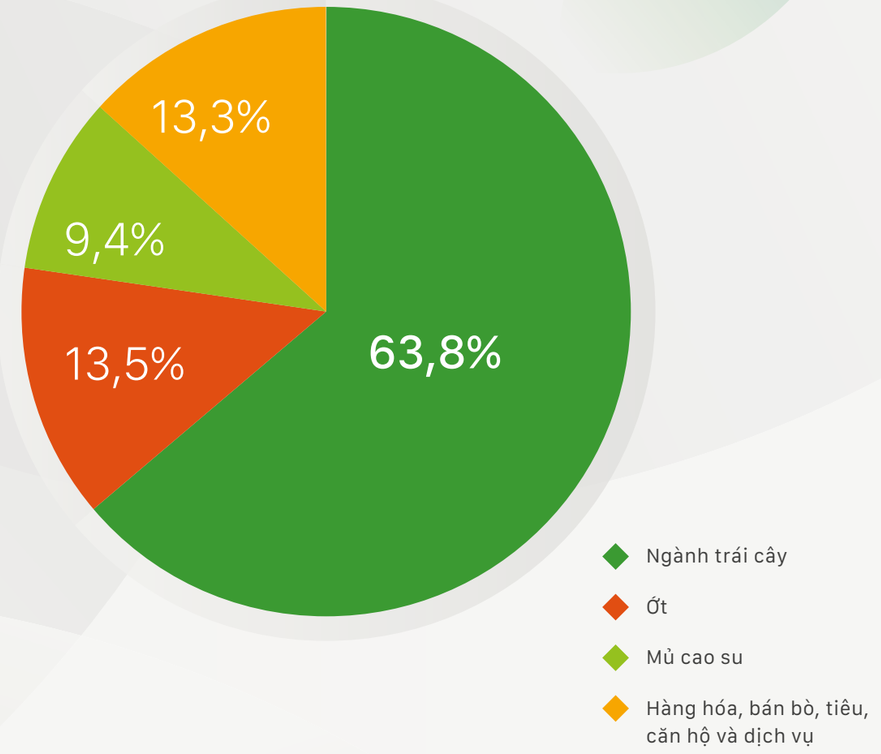

b. Lỗ sau thuế

Năm 2018 là 656 tỷ đồng. Nguyên nhân lỗ chủ yếu do trong năm Công ty thực hiện đánh giá các tài sản không hiệu quả, điều chỉnh chi phí đầu tư vườn cây cọ dầu vào chi phí chuyển đổi mục đích sang trồng cây ăn trái.

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tiêu chí	*2018*	*2017*	*Tăng/ Giảm 2017*
Tổng giá trị tài sản	**30.532**	**32.282**	**-5,42%**
Tài sản ngắn hạn	4.178	4.417	-5,41%
Tài sản dài hạn	26.354	27.865	-5,42%

Tại ngày 31/12/2018, tổng tài sản được ghi nhận là 30.532 tỷ đồng, giảm 5,42% so với năm 2017, nguyên nhân do nợ vay giảm và Công ty đã thanh lý bớt tài sản không hiệu quả.

b. Tình hình nợ phải trả

Tiêu chí	*Năm 2018*	*Năm 2017*	*Tăng/ Giảm 2017*
Nợ ngắn hạn	**8.514**	**6.237**	**36,51%**
- Vay ngắn hạn	*5.879*	*1.725*	*240,81%*
- Nợ phải trả ngắn hạn khác	*2.635*	*4.512*	*-41,60%*
Nợ dài hạn	**11.342**	**15.892**	**-28,63%**
- Vay dài hạn	*9.551*	*12.436*	*-23,20%*
- Nợ phải trả dài hạn khác	*1.791*	*3.456*	*-48,18%*
Tổng nợ phải trả	**19.856**	**22.129**	**-10,27%**

Tại ngày 31/12/2018, tổng nợ phải trả là 19.856 tỷ đồng, giảm 10,27% tương đương giảm 2.273 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017, chủ yếu do nợ các bên liên quan giảm.

Với hệ số nợ trên tổng tài sản 0,69 lần vào cuối năm 2017 so với 0,65 lần vào cuối năm 2018 và hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu 2,18 lần vào cuối năm 2017 so với 1,86 lần vào cuối năm 2018, cho thấy khả năng thanh toán nợ của HAGL Agrico tuy chưa có sự thay đổi lớn nhưng đã có bước chuyển biến tích cực, hoạt động kinh doanh của Công ty đang dần ổn định và hồi phục.

3. Kế hoạch trong năm 2019

- Tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc giai đoạn 2016 – 2026; đặc biệt là cơ cấu tài chính.
- Trong năm, Công ty sẽ tập trung vào giải pháp cơ giới hóa tất cả các khâu trong hoạt động sản xuất và trồng trọt.
- Tập trung chăm sóc và mở rộng đầu tư ngành cây ăn trái, đang là ngành mang lại hiệu quả kinh doanh và vòng quay vốn trong thời gian ngắn nhất.
- Liên tục cải thiện hoạt động để tăng doanh thu, đặc biệt là doanh thu của các lĩnh vực cốt lõi.

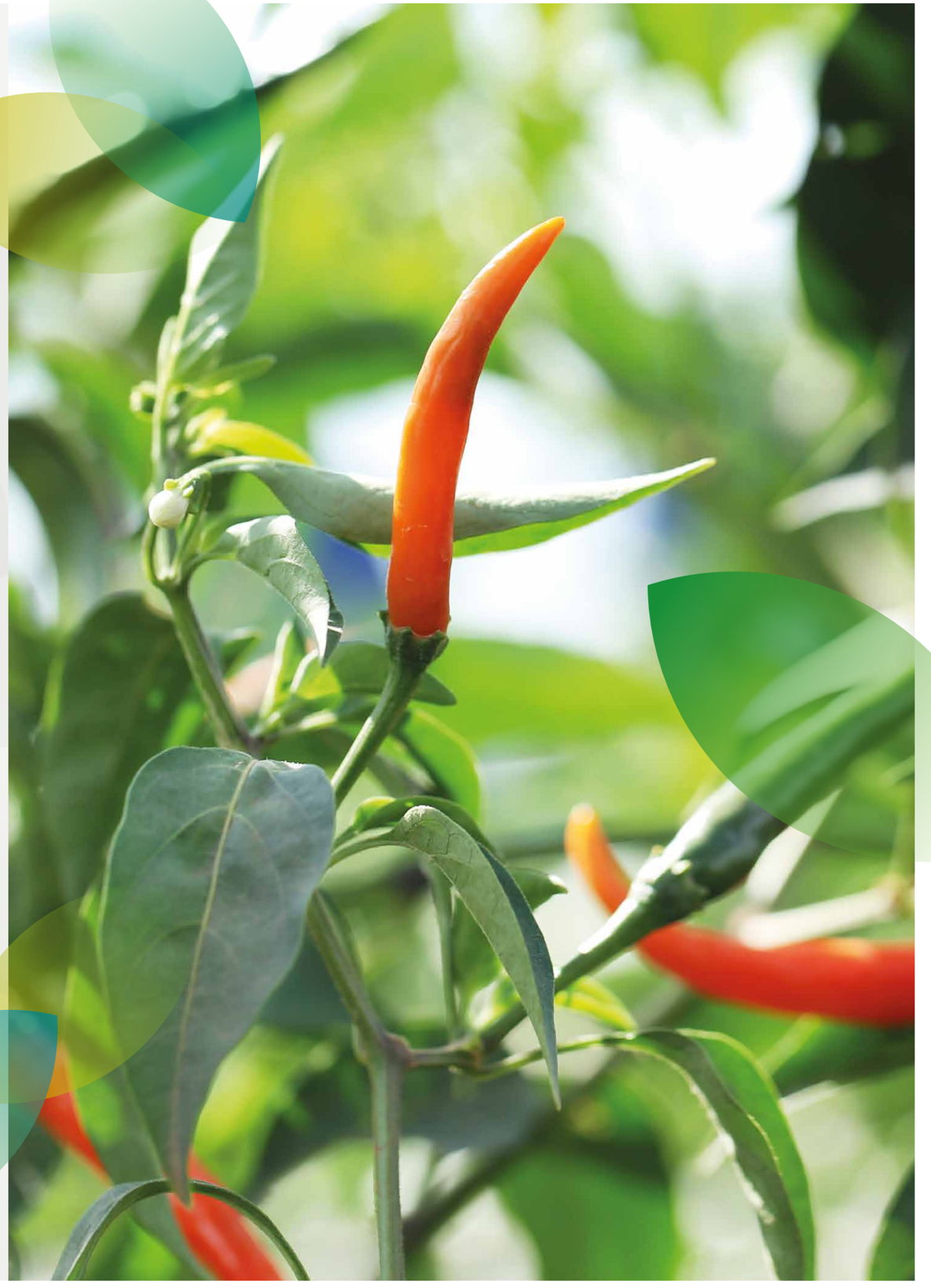

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

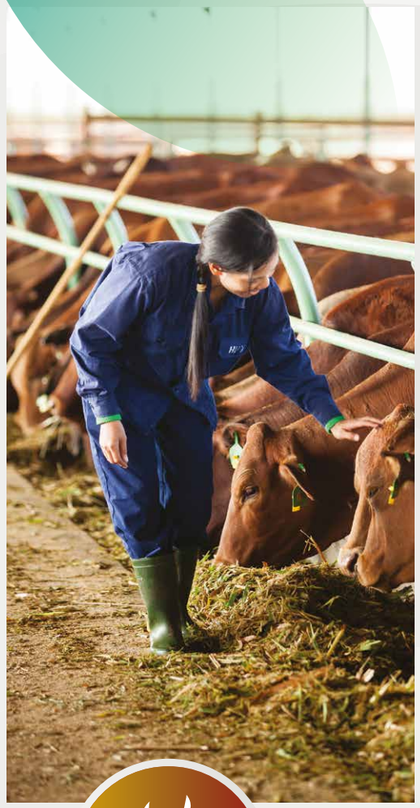

Ngành cây ăn trái: mang lại nguồn doanh thu đáng kể, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và có tỷ suất lợi nhuận cao. Đây vẫn sẽ là ngành chiến lược trong giai đoạn phát triển nông nghiệp bền vững của Công ty.

Ngành cao su: hiện Công ty đã đưa vào khai thác 20.942 ha cao su. Trong năm, giá cao su vẫn chưa thực sự phục hồi nên doanh thu từ ngành này chưa đạt như kỳ vọng.

Ngành chăn nuôi: HAGL Agrico chủ trương thu hẹp dần quy mô ngành chăn nuôi, tập trung ưu tiên nguồn vốn và lực lượng lao động cho mảng cây ăn trái.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường, HĐQT đã thẳng thắn chất vấn và trao đổi cùng Ban Tổng Giám đốc các hoạt động trong việc thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc cũng thường xuyên trao đổi, chủ động báo cáo đầy đủ lên HĐQT về tiến độ thực hiện các công việc cũng như các khó khăn, vướng mắc gặp phải để kịp thời bàn bạc, xin ý kiến HĐQT đưa ra.

Mặc dù kết quả lợi nhuận chưa đạt được theo kế hoạch, nhưng Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các công việc được giao, cụ thể:

- Hoàn tất việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tăng vốn điều lệ Công ty;
- Hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của Công ty;
- Triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc trồng, chăm sóc và khai thác các vườn cây ăn trái, bên cạnh đó vẫn duy trì khai thác và chăm sóc các vườn cây cao su;
- Sắp xếp cơ cấu lại bộ máy tổ chức các phòng ban, nhân sự chủ chốt Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành;
- Và các nội dung khác theo thẩm quyền của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Ngành cây ăn trái: trong thời gian tới, HAGL Agrico sẽ đẩy mạnh tăng diện tích cây ăn trái, sản xuất theo tiêu chuẩn Global GAP để xuất khẩu, nâng cao giá trị sản phẩm. Với lợi thế về quy mô, HAGL AGrico có thể làm việc trực tiếp với đối tác nước ngoài, có thể tạo ra lợi nhuận không chỉ ở khâu trồng mà có thể từ toàn bộ chuỗi giá trị, cắt giảm các khâu trung gian so với nông dân.

Ngành cao su: Công ty dự kiến sẽ không đẩy mạnh khai thác mủ trong năm 2019, mà sẽ chủ yếu thực hiện bảo quản vườn cây, chống cháy, chờ cơ hội giá mủ cao su phục hồi, hoặc tối thiểu là cũng có thể khai thác gỗ trong tương lai để thu hồi vốn đầu tư.

Về ứng dụng công nghệ: Công ty sẽ tập trung quản trị bằng ứng dụng công nghệ thông tin trên cơ sở số hóa và cơ giới hóa cho tất cả các khâu trong chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp: từ canh tác đến thu hoạch, vận chuyển, lưu kho, chế biến chuyên biệt theo nhóm cây ăn trái và cây công nghiệp.

Về thị trường tiêu thụ: Công ty đánh giá rất cao thị trường Trung Quốc, đất nước có 1,5 tỷ dân số và đặc biệt lại có chung biên giới với Việt Nam. Chính vì những lợi thế như vậy, Công ty xác định Trung Quốc là thị trường ưu tiên số 1 và mong muốn được chiếm giữ vị trí nhà cung cấp các loại trái cây nhiệt đới lớn hàng đầu tại thị trường này.

Về tài chính: HAGL Agrico đã và đang thu xếp nguồn vốn và dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đầu tư phát triển cây ăn trái để tạo nguồn thu trong tương lai. Bán bớt tài sản là giải pháp khả thi mà HAGL Agrico đã và đang thực hiện. Công ty đang thực hiện theo phương châm "tinh gọn mà hiệu quả", bán bớt những tài sản không hiệu quả, tập trung nguồn lực làm tốt mảng cây ăn trái.

Về hệ thống quản trị: HAGL Agrico đang tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng lực chuyên môn của bộ máy quản lý và lãnh đạo, tăng cường quản lý theo ngành nghề kinh doanh và thực hiện quản trị chiến lược bao gồm hoạch định, thực thi, kiểm tra và đánh giá chiến lược.

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát

I. THÀNH VIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

1. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đức Quang (**)	Trưởng ban	23/06/2018	2/2	100%	Bổ nhiệm từ ngày 23/06/2018
1	Bà Nguyễn Thị Hải Yến (***)	Thành viên	30/06/2017	1/1	100%	Miễn nhiệm từ ngày 17/09/2018
2	Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	04/04/2015	2/2	100%	
3	Ông Dương Trần Hùng (**)	Thành viên	30/06/2017	0		Miễn nhiệm từ ngày 23/06/2018
4	Ông Đặng Công Trực (***)	Thành viên	17/09/2018	1/1	100%	Bổ nhiệm từ ngày 17/09/2018

(**) Ngày 10/06/2018, Công ty nhận được Đơn xin từ nhiệm Thành viên BKS của Ông Dương Trần Hùng. Ngày 23/06/2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS đối với Ông Dương Trần Hùng, và bầu bổ sung Ông Nguyễn Đức Quang giữ chức vụ Thành viên BKS kể từ ngày 23/06/2018. Ngày 18/07/2018, Ông Nguyễn Đức Quang được bầu làm Trưởng BKS.

(***) Ngày 06/08/2018, Công ty nhận được Đơn xin từ nhiệm Thành viên BKS của Bà Nguyễn Thị Hải Yến. Ngày 17/09/2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS đối với Bà Nguyễn Thị Hải Yến, và bầu bổ sung Ông Đặng Công Trực giữ chức vụ Thành viên BKS kể từ ngày 17/09/2018.

2. Các hoạt động của BKS trong năm 2018

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi quyền và nghĩa vụ theo luật định và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Tham dự các cuộc họp của Công ty, nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh và kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018.
- Đánh giá công tác quản lý điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc dựa trên Nghị quyết và định hướng của HĐQT.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty, thảo luận với Công ty Kiểm toán về Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình. BKS đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để tham gia đóng góp ý kiến trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Kết quả kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018 (*)	% thực hiện so với kế hoạch
- Doanh thu thuần	3.688	3.743	99%
- Lợi nhuận gộp	1.501	1.673	90%
- Lợi nhuận trước thuế	(626)	150	- 417%

(*) Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

Kết quả thẩm tra tình hình tài chính của Công ty

BKS đã thảo luận với Công ty Kiểm toán về phạm vi và kết quả kiểm toán, đồng thời thực hiện rà soát, phân tích các khoản mục trọng yếu trên Báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng/(giảm)	%
Tổng Tài sản	**30.532**	**32.282**	**-1.750**	**-5,42%**
1. Tài sản ngắn hạn	4.178	4.417	-239	-5,41%
2. Tài sản dài hạn	26.354	27.865	-1.511	-5,42%
Tổng nguồn vốn	**30.532**	**32.282**	**-1.750**	**-5,42%**
1. Nợ phải trả	**19.856**	**22.129**	**-2.273**	**-10,27%**
- Nợ ngắn hạn	*8.514*	*6.237*	*2.277*	*36,51%*
- Nợ dài hạn	*11.342*	*15.892*	*-4.550*	*-28,63%*
2. Vốn chủ sở hữu	**10.676**	**10.153**	**523**	**5,15%**

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát (tiếp theo)

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018 (tiếp theo)

2. Kết quả giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018

STT	Nội dung nghị quyết	Thực hiện năm 2018
1	**0605/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico, ngày 06/05/2018**	
1.1	Thông qua Phương án chào bán trái phiếu ra công chúng	Đã hoàn thành vào ngày 07/08/2018
2	**2306/18/NQĐHĐCĐ -HAGL Agrico, ngày 23/06/2018**	
2.1	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018	- Doanh thu thuần là 3.688 tỷ đồng, đạt 99% kế hoạch - Lợi nhuận gộp là 1.501 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch - Lỗ trước thuế là -626 tỷ đồng, kế hoạch là lãi 150 tỷ đồng
2.2	Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích quỹ và thù lao HĐQT, BKS và Ban Thư ký năm 2018	Đã thực hiện theo đúng NQĐHĐCĐ đã thông qua
2.3	Thông qua việc ủy quyền HĐQT sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Đã hoàn thành vào ngày 14/08/2018
3	**1709/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico, ngày 17/09/2018**	
3.1	Thông qua miễn nhiệm Thành viên HĐQT và BKS	Đã hoàn thành việc miễn nhiệm Ông Đoàn Nguyên Thu và Ông Nguyễn Ngọc Ánh, và bầu bổ sung Ông Nguyễn Hùng Minh và Ông Trần Bảo Sơn vào ngày 17/09/2018
3.2	Thông qua bầu bổ sung Thành viên HĐQT và BKS	Đã hoàn thành việc miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Hải Yến và bầu bổ sung Ông Đặng Công Trực vào ngày 17/09/2018
3.3	Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ	HĐQT đang trong quá trình thực hiện nội dung này

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018 (tiếp theo)

3. Kết quả giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng quý và bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.
- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ban Tổng Giám đốc đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng của HĐQT; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động.

4. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019

- Tham dự các cuộc họp của Công ty, nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được các chỉ tiêu theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính định kỳ, trong đó tập trung các vấn đề liên quan đến các khoản đầu tư, tình hình quản lý sử dụng vốn, kế hoạch dòng tiền.
- Các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Quản trị Công ty

1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Ghi chú
Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT			
Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	505.000	0,057%	
Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	505.000	0,057%	
Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ			
Nguyễn Hùng Minh	Thành viên HĐQT	5.000.000	0,56%	
Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT			
Nguyễn Quan Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	5.000	0,001%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc về các nội dung sau:

- Hoàn tất việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tăng vốn điều lệ Công ty;
- Hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc trồng, chăm sóc và khai thác các vườn cây ăn trái, bên cạnh đó vẫn duy trì khai thác và chăm sóc các vườn cây cao su;
- Chủ trì và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát;
- Sắp xếp cơ cấu lại bộ máy tổ chức các phòng ban, nhân sự chủ chốt Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành;
- Chỉ đạo việc thực hiện lập Báo cáo thường niên 2018 và các Báo cáo tài chính.

a. Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp cụ thể như sau:

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp cụ thể như sau: (tiếp theo)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	15/06/2010	16/16	100%	
2	Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	30/06/2017	16/16	100%	
3	Ông Nguyễn Hùng Minh (*)	Thành viên	17/09/2018	2/2	100%	Bổ nhiệm từ ngày 17/09/2018
4	Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	04/04/2015	16/16	100%	
5	Ông Trần Bảo Sơn (*)	Thành viên	17/09/2018	2/2	100%	Bổ nhiệm từ ngày 17/09/2018
6	Ông Đoàn Nguyên Thu (*)	Thành viên	04/04/2015	14/14	100%	Miễn nhiệm từ ngày 17/09/2018
7	Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	04/04/2015	16/16	100%	
8	Ông Nguyễn Ngọc Ánh (*)	Thành viên	04/04/2015	14/14	100%	Miễn nhiệm từ ngày 17/09/2018
9	Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	04/04/2015	16/16	100%	

Quản trị Công ty

(tiếp theo)

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

b. Các Nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	0503/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	05/03/2018	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ
2	3003/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	30/03/2018	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng
3	0605-1/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	06/05/2018	Thông qua hồ sơ chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng
4	1705/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	17/05/2018	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
5	2405/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	24/05/2018	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua trái phiếu chuyển đổi
6	3005/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	30/05/2018	Thông qua việc thay đổi tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi
7	0307/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	03/07/2018	Thông qua kết quả nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu chuyển đổi và xử lý số trái phiếu không phân phối hết
8	0308/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	03/08/2018	Thông qua việc phân phối số lượng trái phiếu chuyển đổi còn dư trong đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng
9	0708/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	07/08/2018	Thông qua kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng
10	1108/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	11/08/2018	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thông qua việc bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát Công ty
11	1408/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	14/08/2018	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
12	1608/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	16/08/2018	Thông qua việc thay đổi diện tích trồng cây ăn trái theo phương án sử dụng số tiền huy động được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng
13	2708/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	27/08/2018	Thông qua việc bổ sung nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với danh sách cổ đông chốt ngày 31/08/2018
14	0409/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	04/09/2018	Thông qua việc đề cử ứng viên vào Hội đồng Quản trị
15	1010/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	10/10/2018	Thông qua việc thay đổi diện tích trồng cây ăn trái đã được điều chỉnh lần đầu theo Nghị quyết HĐQT số 1608/18/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 16/08/2018 năm 2018
16	2712/18/NQHĐQT-HAGL Agrico	27/12/2018	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm các chức danh quản lý của Công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS

3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban TGĐ và BKS

Năm 2018, tổng mức lương, thưởng, thù lao chi trả cho HĐQT, Ban TGĐ, và BKS là 5,6 tỷ đồng và được trình bày tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018, phần Thuyết minh, mục 33 "Giao dịch với các bên liên quan."

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	488.665.840	55,10%	512.665.840	57,81%	Mua cổ phiếu
02	Võ Trường Sơn	TV HĐQT	1.000.000	0,11%	505.000	0,057%	Bán cổ phiếu
	Tổng		**489.665.840**		**513.170.840**		

3.3 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.

Ngoài ra, Công ty luôn chủ động tạo điều kiện để các thành viên HĐQT, thành viên Ban TGĐ, thành viên BKS, các cán bộ quản lý và Thư ký Công ty tham gia các khoá đào tạo về quản trị công ty.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo phát triển bền vững

Trong năm qua, mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, HAGL Agrico vẫn nỗ lực đưa ra những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, nhanh nhạy, kịp thời, phù hợp với diễn biến tình hình thị trường. Công ty đã đẩy mạnh tái cấu trúc, ưu tiên tập trung khai thác thế mạnh cốt lõi là nông nghiệp với việc trồng các loại cây ăn trái ngắn ngày như thanh long, chuối, xoài và nhiều loại trái cây khác, chủ động tạo ra dòng tiền ổn định. Trong chiến lược kinh doanh của mình, HAGL Agrico luôn đặt ra mục tiêu lợi nhuận gắn liền với việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội và môi trường.

1. Chính sách bảo vệ môi trường

Dưới tác động tiêu cực do các hoạt động của con người, môi trường thế giới đang ngày càng trở nên khắc nghiệt. Việt Nam đứng thứ 5 toàn cầu về thiệt hại do biến đổi khí hậu và cũng nằm trong nhóm các nước chịu nhiều tác động tiêu cực khác như phá rừng, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên. Với hoạt động kinh doanh chủ lực là nông nghiệp, HAGL Agrico luôn coi trọng các hoạt động sản xuất, kinh doanh mang tính chất phát triển bền vững. Trong các vấn đề môi trường được cho là trọng yếu, Công ty đã đưa ra những nhóm giải pháp chính để từ đó xây dựng một kế hoạch chi tiết xoay quanh định hướng đã đề ra.

Tiêu thụ năng lượng điện

Công ty đã giảm đáng kể lượng điện năng tiêu thụ trong các hoạt động vận hành nhà máy chế biến xưởng sửa chữa, bơm nước, tưới nước bằng việc áp dụng các biện pháp thiết thực như:

- Thay thế dần các loại dụng cụ và thiết bị cũ như bóng đèn dây tóc và bóng đèn huỳnh quang bằng loại bóng đèn LED.

- Sử dụng bình nước nóng dùng sức nóng mặt trời.

- Xây dựng hệ thống kênh thuỷ lợi để lợi dụng trọng lực đưa nước về các hồ chứa để tưới cho vườn vây.

- Phổ biến và thực hiện các quy định về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả.

"Hệ thống tưới nhỏ giọt công nghệ của Israel cho phép tiết kiệm 50 - 70% lượng nước tưới so với các hình thức tưới thông thường"

Tiêu thụ nước

Công ty chủ trương sử dụng nước tiết kiệm, tác động gián tiếp vào những hoạt động sử dụng nước đáng kể như trồng trọt, chăn nuôi và sản xuất sẽ đem lại hiệu quả lớn hơn, có ý nghĩa hơn đặc biệt là khi quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng. Các giải pháp cụ thể như sau:

- Ứng dụng hệ thống tưới nước nhỏ giọt Israel luôn là lựa chọn hàng đầu trong khâu tưới tiêu của các dự án nông nghiệp HAGL Agrico. Hệ thống này cho phép tiết kiệm 50 - 70% lượng nước tưới so với các hình thức tưới thông thường.

- Nước thải từ các nhà máy chế biến được xử lý và tái sử dụng để tưới cho cây trồng. Nước thải từ các chuồng trại chăn nuôi một phần được xử lý để sản xuất khí điện và phần còn lại được xử lý để tưới cho cây trồng. Biện pháp này giúp Công ty vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ nguồn nước vừa tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Xử lý chất thải

Nhằm đảm bảo rác thải và chất thải rắn không gây hại đến môi trường, Công ty đã thực hiện biện pháp tiết kiệm, tái chế nguyên vật liệu và giảm thiểu tối đa chất thải ra môi trường với các giải pháp cụ thể như sau:

- Bao đựng phân chuồng: Hàng năm, Công ty dùng bao sợi nylon để đựng phân chuồng phân phối đến các nông trường, có 50% trong đó được tái sử dụng để thu góm rác thực vật như quả hỏng, cành lá...

- Công ty sử dụng thùng giấy carton để đựng trái cây xuất ra thị trường, đây là loại vật liệu dễ dàng phân huỷ sinh học, thân thiện với môi trường.

- Ống nước tưới các loại (ống PVC, HDPE, LDPE) được sử dụng để tưới cho các vườn cây. Ống được qua sử dụng bị hư hỏng được đưa về các nhà máy của Công ty để tái chế với tỷ lệ lên đến 90%.

- Công ty sử dụng nguồn phân chuồng sẵn có trong chăn nuôi bò để bón lót và bón thúc cho cây trồng.

- Nỗ lực giảm xả thải vào môi trường bằng nhiều biện pháp có thể như áp dụng công nghệ mới, đầu tư thiết bị và cơ sở hạ tầng, tối ưu hóa quá trình sản xuất, lựa chọn sản phẩm và quá trình sản xuất thân thiện môi trường. Đồng thời, trong các nhà máy sản xuất chế biến hiện tại Công ty luôn ưu tiên việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom các chất độc hại trước khi thải ra môi trường, áp dụng các biện pháp quản lý để cách ly chất thải.

Báo cáo phát triển bền vững (tiếp theo)

1. Chính sách bảo vệ môi trường (tiếp theo)

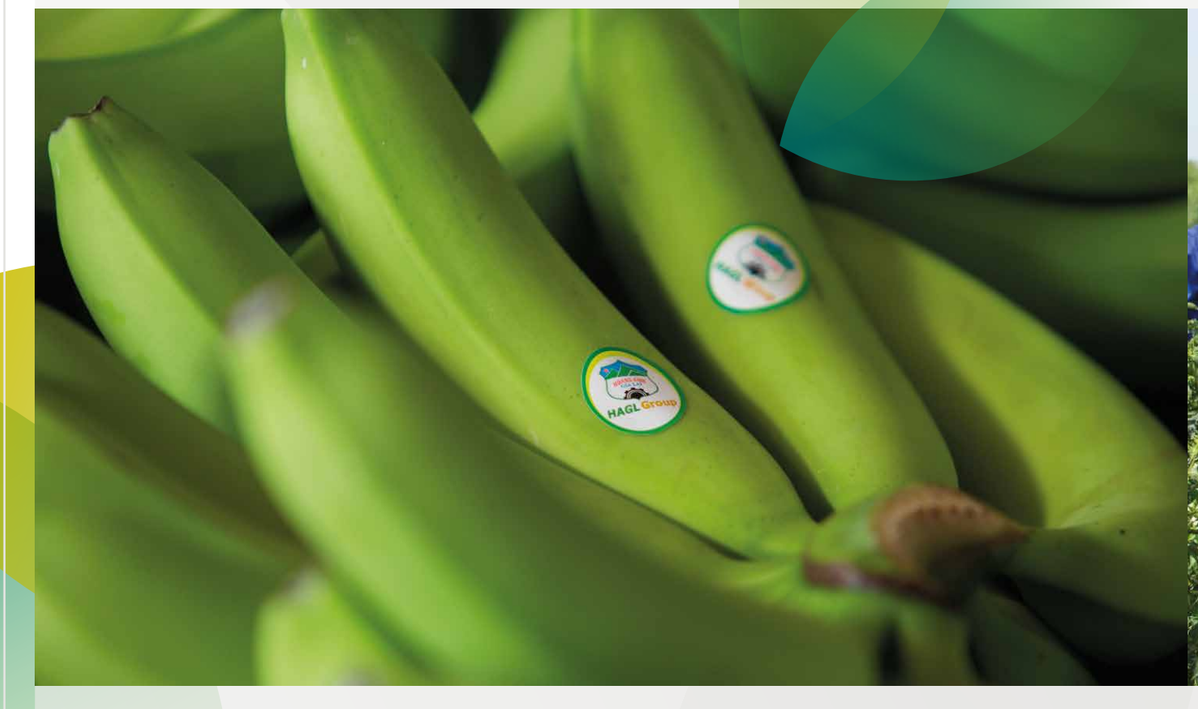

Tuân thủ các quy định về môi trường

Việc đầu tư kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ các quy định và luật về môi trường do Chính phủ Việt Nam, Lào, và Campuchia ban hành.

Trước khi triển khai dự án, Công ty thuê đơn vị độc lập có uy tín đánh giá tác động môi trường, đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường xã hội cho các dự án đầu tư và trình lên các bộ ngành có thẩm quyền, xin cấp phép triển khai.

Thành lập bộ phận Môi trường nhằm kiểm soát mọi hoạt động sản xuất tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng. Ban hành Quy chế sử dụng hóa chất theo đúng quy định của pháp luật, hạn chế tối đa sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc hóa học. Ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức về các vấn đề liên quan đến các dự án phát triển nông nghiệp của Công ty tại Lào và Campuchia.

Công ty hợp tác với Bureau Veritas - tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm tra, đánh giá và xác nhận nhằm thực hiện những cam kết hoạch định, phát triển và sản xuất kinh doanh bền vững hướng đến xây dựng, bảo vệ các giá trị cộng đồng và bảo tồn các giá trị thiên nhiên.

2. Chính sách liên quan đến người lao động

Tính đến 31/12/2018, tổng số lao động của Công ty là 11.315 cán bộ công nhân viên với cơ cấu cụ thể như sau:

Địa bàn	*Tổng số nhân sự*	*Lao động có hợp đồng dài hạn*	*Lao động thời vụ*
VIỆT NAM	1.531	463	1.068
LÀO	5.225	917	4.308
CAMPUCHIA	4.559	845	3.714
Cộng	**11.315**	**2.225**	**9.090**

Chính sách cho người lao động

Xác định nhân lực là nguồn tài sản quý giá nhất, quyết định đến sự phát triển bền vững của Công ty, nên HAGL Agrico luôn tạo mọi điều kiện và môi trường làm việc tốt nhất để gắn kết người lao động. Ngoài việc tuân thủ chế độ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với người lao động dựa trên các yếu tố sau:

Báo cáo phát triển bền vững (tiếp theo)

2. Chính sách liên quan đến người lao động (tiếp theo)

Đảm bảo an toàn lao động và chăm lo sức khỏe cho người lao động

Vấn đề an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt tại Công ty để đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động. Các khoá huấn luyện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy được tổ chức thường xuyên cho cán bộ công nhân viên. Người lao động được trang bị đồ dùng bảo hộ lao động đầy đủ, kịp thời đáp ứng theo yêu cầu của công việc. Công ty ban hành và giám sát chặt chẽ việc thực hiện nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường đồng thời thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động tại nơi làm việc. Ngoài ra, Công ty còn có các chính sách chăm lo sức khỏe cho người lao động. Ngoài chính sách bảo hiểm y tế, Công ty còn có chế độ miễn giảm chi phí điều trị tại bệnh viện Đại học Y Dược – Hoàng Anh Gia Lai, đặc biệt đối với người lao động được cử đi công tác tại Lào và Campuchia.

Đảm bảo môi trường làm việc công bằng và lành mạnh

Tại HAGL Agrico, công việc được sắp xếp phân công sao cho phù hợp nhất với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình. Bên cạnh việc thu hút nguồn nhân lực có tay nghề, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khoá đào tạo học tập nâng cao trình độ chuyên môn bằng công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

Văn hóa cạnh tranh công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. Tại HAGL Agrico, chúng tôi ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ. Hiện nay, tổng số lao động của HAGL Agrico là 11.315 lao động, trong đó số lượng nhân viên nữ chiếm 40% và số quản lý là nữ chiếm 35%.

Nâng cao tinh thần đoàn kết, theo tiêu chí "Đoàn kết là sức mạnh"

Hàng năm, Công ty còn tổ chức các hoạt động vui chơi, thể thao, văn nghệ và du lịch nhằm giúp nhân viên có thời gian nghỉ ngơi, phục hồi năng lượng để tiếp tục cống hiến cho sự phát triển chung của Công ty. Đây còn là dịp để mọi người có thể trò chuyện, chia sẻ những câu chuyện cuộc sống và công việc với nhau, tăng thêm sự gắn bó và hỗ trợ tương tác lẫn nhau trong công việc vì một HAGL Agrico phát triển bền vững.

3. Chính sách đối với cộng đồng, địa phương

Với sứ mệnh tạo ra nhiều giá trị cho xã hội, bên cạnh các hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, giáo dục và y tế; hàng năm, HAGL Agrico đều dành riêng khoản ngân sách cho chương trình Chung tay vì xã hội tốt đẹp hơn: ủng hộ các Quỹ người nghèo, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ chất độc màu da cam, quyên góp cứu trợ người dân vùng bão lũ, tổ chức tặng quà tết cho các gia đình khó khăn. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, cứu trợ không chỉ được thực hiện bằng khoản trích phúc lợi của Công ty mà còn bằng đóng góp cá nhân của các cán bộ, nhân viên.

Trong đêm 23/7/2018, đã xãy ra sự cố vỡ đập thủy điện Xe Pian-Xe Namnoy, Tỉnh Attapeu (Lào) khiến hàng trăm người thiệt mạng và mất tích; 6 ngôi làng ở Sanamxay bao gồm Yai Thae, Hinlad, Mai, Thasengchan, Tha Hin, Samong ngập trong biển nước. Thảm họa đã khiến khoảng 1.300 hộ dân mất nhà cửa. Vào thời điểm đó, 26 cán bộ, công nhân HAGL Agrico và người dân bị mắc kẹt tại nông trường 2 ngày đêm phải sống trong tình cảnh lo lắng tột cùng vì khó khăn, thiếu thốn lương thực, thiếu nước sạch và bị cô lập. Công ty đã thuê máy bay trực thăng đưa tất cả công nhân ra khu vực an toàn. Là đơn vị đầu tư trên địa bàn Tỉnh Attapeu, HAGL Agrico đã huy động tất cả các nguồn lực chuyển cứu trợ khẩn cấp 100.000 gói mì ăn liền, 50 tấn gạo, 2.000 bộ quần áo, 100 túi đựng chuyên dùng trong y tế, thuốc men và các vật dụng cần thiết khác từ Việt Nam sang Lào để tham gia cứu hộ. Cùng thời gian đó, Công ty đã thành lập đoàn 20 y bác sĩ bệnh viện Đại Học Y Dược HAGL tiếp cận vùng lũ và phối hợp với chính quyền địa phương tỉnh Attapeu khám chữa bệnh, phát thuốc cho người dân.

Tại Lễ công bố hợp tác chiến lược HAGL-THACO ngày 8/8/2018, Lãnh đạo hai Công ty HAGL và THACO cũng đã tặng 2 tỷ LAK (tương đương 5,5 tỷ VND) cho người dân tại khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề do vỡ đập thủy điện.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01. Thông tin chung 68
02. Báo cáo của Ban Giám đốc 70
03. Báo cáo kiểm toán độc lập 71
04. Bảng cân đối kế toán hợp nhất 73
05 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 75
06. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 76
07. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 78

Thông tin chung

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Đình Vũ	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc!

Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2019

EY
Building a better working world

Ernst & Young Việt Nam Limited
20th floor, Bitexco Financial Tower,
2 Hai Trieu Street District 1, Ho Chi Minh City

Socialist Republic of Vietnam

Tel : +84 28 3824 5252
Fax : +84 28 3824 5250
Website : ey.com

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 61280353/20265408-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 74, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

EY
Building a better working world

Ernst & Young Việt Nam Limited
20th floor, Bitexco Financial Tower,
2 Hai Trieu Street District 1, Ho Chi Minh City

Socialist Republic of Vietnam

Tel : +84 28 3824 5252
Fax : +84 28 3824 5250
Website : ey.com

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Số tham chiếu: 61280353/20265408-HN

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 656.114.527 ngàn VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.336.120.020 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 23.3, 23.5 và 23.6 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2019

B01-DN/HN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.177.427.203**	**4.416.622.838**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***72.447.272***	***53.262.986***
111	1. Tiền		72.447.272	50.262.986
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***2.766.412.291***	***3.315.582.027***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.318.603.106	2.008.940.531
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	183.774.708	735.872.145
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	76.814.000	357.633.041
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	212.204.353	226.179.121
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(24.983.876)	(13.042.811)
140	***III. Hàng tồn kho***	***10***	***1.294.888.066***	***1.008.560.404***
141	1. Hàng tồn kho		1.306.450.947	1.015.931.766
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.562.881)	(7.371.362)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***43.679.574***	***39.217.421***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	20.937.610	28.460.482
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.405.890	10.428.256
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		336.074	328.683
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**26.354.127.080**	**27.865.557.407**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***6.556.215***	***2.651.637.754***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	-	2.005.714.973
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	6.556.215	645.922.781
220	***II. Tài sản cố định***		***9.207.445.069***	***6.900.466.447***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	9.183.595.934	6.870.301.911
222	Nguyên giá		10.712.291.374	7.989.910.734
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.528.695.440)	(1.119.608.823)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	23.849.135	30.164.536
228	Nguyên giá		54.845.260	54.845.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(30.996.125)	(24.680.724)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***12.751.110.909***	***13.347.574.348***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	12.751.110.909	13.347.574.348
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***15***	***307.231.754***	***861.491.710***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		299.447.924	861.491.710
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.783.830	-
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***4.081.783.133***	***4.104.387.148***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	942.011.275	552.520.160
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	50.738.434	54.262.577
269	3. Lợi thế thương mại	17	3.089.033.424	3.497.604.411
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**30.531.554.283**	**32.282.180.245**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

B01-DN/HN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**19.855.671.686**	**22.129.411.861**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***8.513.547.223***	***6.237.227.278***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	413.725.650	684.133.747
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	86.711.848	368.099.058
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	46.065.717	71.013.027
314	4. Phải trả người lao động		48.561.776	60.471.407
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	1.548.036.970	1.273.106.206
318	6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	24.010.127
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	491.538.723	2.031.335.114
320	8. Vay ngắn hạn	23	5.878.906.539	1.725.058.592
330	***II. Nợ dài hạn***		***11.342.124.463***	***15.892.184.583***
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	759.275.084	1.589.659.464
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	988.865.252	1.854.427.184
338	3. Vay dài hạn	23	9.551.092.730	12.436.181.455
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	42.891.397	11.916.480
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**10.675.882.597**	**10.152.768.384**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***10.675.882.597***	***10.152.768.384***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	8.868.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.868.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	1.064.550.810	1.064.550.810
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	24.1	105.576.190	-
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	505.361.803	454.592.390
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	102.645.162	911.299.891
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		761.794.920	383.861.675
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		(659.149.758)	527.438.216
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	29.309.682	50.886.343
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**30.531.554.283**	**32.282.180.245**

Phạm Thị Lưu Ly
Người lập

Phạm Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	3.688.345.377	3.321.021.229
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(2.187.064.427)	(2.106.498.608)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.501.280.950	1.214.522.621
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	150.727.589	1.014.721.130
22	5. Chi phí tài chính	29	(690.572.665)	(854.439.086)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(638.937.501)*	*(813.216.302)*
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.1	(11.458.148)	(28.069.575)
25	7. Chi phí bán hàng	30	(149.378.437)	(93.271.543)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(684.976.628)	(585.188.578)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		115.622.661	668.274.969
31	10. Thu nhập khác	31	20.710.867	245.097.700
32	11. Chi phí khác	31	(762.096.594)	(472.117.888)
40	12. Lỗ khác	31	(741.385.727)	(227.020.188)
50	13. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(625.763.066)	441.254.781
51	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hiện hành	32.1	4.147.599	(23.890.080)
52	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	(34.499.060)	113.097.948
60	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(656.114.527)	530.462.649
61	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(659.149.758)	527.438.216
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	3.035.231	3.024.433
70	19. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	(761)	688
71	20. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	(527)	581

Phạm Thị Lưu Ly
Người lập

Phạm Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(625.763.066)**	**441.254.781**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 17	969.016.977	970.643.111
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		16.132.584	(170.689.072)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		12.034.349	31.328
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		238.622.330	(1.137.148.598)
06	Chi phí lãi vay	29	638.937.501	813.216.302
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**1.248.980.675**	**917.307.852**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(631.488.764)	1.288.679.730
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(705.973.160)	438.256.606
11	Giảm các khoản phải trả		(597.517.270)	(327.440.018)
12	Tăng chi phí trả trước		(474.472.323)	(811.767.701)
14	Tiền lãi vay đã trả		(498.858.220)	(268.076.880)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(3.881.946)	(1.000.064)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh**		**(1.663.211.008)**	**1.235.959.525**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.725.402.752)	(1.009.565.068)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		218.763.013	463.410.814
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(96.265.018)	(914.350.263)
24	Tiền thu hồi cho vay		260.397.662	988.740.053
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	(7.783.830)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		73.000.000	1.450.356.816
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		21.309.714	54.094.406
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(1.255.981.211)**	**1.032.686.758**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

B03-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		6.409.622.237	2.465.240.508
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(3.471.245.732)	(4.992.082.110)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**2.938.376.505**	**(2.526.841.602)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**19.184.286**	**(258.195.319)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**53.262.986**	**311.458.305**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**72.447.272**	**53.262.986**

Phạm Thị Lưu Ly
Người lập

Phạm Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)*
1. Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("Hoàng Anh - Quang Minh")	Nông nghiệp và chăn nuôi	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
2. Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Nông nghiệp và chăn nuôi	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
3. Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("Hoàng Anh Đắk Lắk")	Nông nghiệp và chăn nuôi	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
4. Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("Hoàng Anh Attapeu")	Nông nghiệp, chăn nuôi và xây dựng	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
5. Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
6. Công ty TNHH Heng Brothers	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
7. Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
8. Công ty TNHH CRD	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
9. Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Nông nghiệp và chăn nuôi	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
10. Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai ("Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai")	Thương mại	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00

B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)*
11. Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("Bò sữa Tây Nguyên")	Chăn nuôi	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
12. Công ty Cổ phần Đông Pênh ("Đông Pênh")	Nông nghiệp	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90
13. Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh ("Daun Penh")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,90
14. Công ty Cổ phần An Đông Mia ("An Đông Mia")	Nông nghiệp	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,50
15. Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("Hoàng Anh Lumphat")	Nông nghiệp	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,50
16. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương")	Nông nghiệp	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
17. Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Nông nghiệp	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
18. Công ty TNHH Sovann Vuthy	Nông nghiệp	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
19. Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Nông nghiệp	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
20. Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia) ("Cao su Eastern")	Nông nghiệp	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
21. Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("Cao su Trung Nguyên")	Nông nghiệp và chăn nuôi	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.316 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.129).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 656.114.527 ngàn VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.336.120.020 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 23.3, 23.5 và 23.6 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của các hợp đồng vay và thế chấp có liên quan. Hơn nữa, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Nhóm Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO") như được trình bày ở Thuyết minh số 4, qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Nhóm Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Nhóm Công ty. Theo đó, Ban Giám đốc Nhóm Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.
Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ở vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Phụ phẩm - phế phẩm

Nhóm Công ty đang theo dõi các mặt hàng phụ phẩm, phế phẩm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp về mặt số lượng, với giá trị ghi sổ bằng không tại ngày lập báo cáo tài chính.

Chi phí công trình dở dang – Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang – Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	8 năm
Cây trồng lâu năm	14 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

	Tỷ lệ khấu hao *(%)*			
Năm khai thác	**Vườn cây cao su** *(i)*	**Vườn cây thanh long** *(ii)*	**Vườn tiêu** *(i)*	**Vườn xoài** *(iv)*
Năm thứ 1	2,50	1,00	4,60	0,30
Năm thứ 2	2,80	3,40	8,50	1,00
Năm thứ 3	3,50	5,00	8,50	2,20
Năm thứ 4	4,40	6,70	8,50	4,30
Năm thứ 5	4,80	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 6	5,40	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 7	5,40	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 8	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 9	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 10	5,00	8,40	3,80	5,80
Năm thứ 11	7,00	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 12	6,60	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 13	6,20	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 14	5,90	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		3,80	5,80
Năm thứ 17	5,00		3,80	5,80
Năm thứ 18	5,50		Giá trị còn lại	5,80
Năm thứ 19	5,20			5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			Giá trị còn lại

(i) ***Vườn cây cao su và tiêu***
Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là bảy (7) năm và ba (3) năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng.

(ii) ***Vườn cây thanh long***
Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây thanh long là tám (8) đến chín (9) tháng tính từ thời điểm bắt đầu trồng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

(iii) ***Vườn cọ dầu***
Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là sáu (6) năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty tại Campuchia và Lào.

Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu kết chuyển các vườn cây đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao các vườn cây

(i) Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác hai mươi (20) năm.

Khấu hao đối với vườn tiêu được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn tiêu theo chu kỳ khai thác.

(ii) Khấu hao đối với vườn cây thanh long được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long theo chu kỳ khai thác.

(iv) Khấu hao đối với vườn xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn trái và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn cây ăn trái và vườn cây khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và
- Chi phí phát triển vườn cây ăn trái, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 (Lỗ) lãi trên cổ phiếu

(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia (lỗ) lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia (lỗ) lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

(i) ***Nghiệp vụ phát sinh trong năm bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) ***Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài***

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Vốn được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn; và
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

***Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, chăn nuôi, thương mại và dịch vụ và khác). Ban Giám đốc Công ty xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL")

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, công ty con trong Nhóm Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 23,46% tỷ lệ sở hữu trong CNGL, cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, số tiền lãi là 73.082.312 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh "TM" số 27.2).

Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần An Đông Mia ("ADM")

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần, tương đương với 30% tỷ lệ sở hữu trong ADM, từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong ADM tăng từ 69,50% lên 99,50%.

Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của ADM mua thêm vào ngày giao dịch là 148.694.971 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 24.1).

Ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược giữa Công ty và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO")

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty và THACO đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược. Theo đó, một số nội dung chính thức đã được thông qua như sau:

- THACO cam kết hỗ trợ Công ty trong việc cơ cấu các khoản nợ vay, và huy động vốn đầu tư chăm sóc diện tích trồng cây ăn trái đã có, phát triển mở rộng diện tích trồng cây ăn trái dự kiến trong hai (2) năm 2019 và năm 2020; và
- THACO cam kết đồng hành trong quá trình xây dựng Công ty và các công ty con trở thành Tập đoàn nông nghiệp hùng mạnh, góp phần phát triển ngành nông nghiệp nói riêng và nền kinh tế xã hội của Việt Nam - Lào - Campuchia nói chung.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	11.309.966	3.810.087
Tiền gửi ngân hàng	61.137.306	46.452.899
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000
TỔNG CỘNG	**72.447.272**	**53.262.986**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.053.891.938	1.138.718.726
- Công ty Xuất Nhập khẩu Mittaphap	*196.269.632*	*9.647.209*
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	*132.668.954*	*432.326.587*
- Các khách hàng khác	*724.953.352*	*696.744.930*
Phải thu từ hoạt động xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào	748.511.168	737.569.190
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư		
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	*516.200.000*	-
Phải thu về chuyển nhượng dự án	-	132.652.615
TỔNG CỘNG	**2.318.603.106**	**2.008.940.531**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(24.983.876)	(13.042.811)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.293.619.230**	**1.995.897.720**
Trong đó:		
Phải thu các bên thứ ba	*2.212.339.701*	*1.373.049.166*
Phải thu các bên liên quan (TM số 33)	*106.263.405*	*635.891.365*

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	137.811.769	698.980.458
- Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	*32.006.466*	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	*29.771.110*	*397.012.295*
- Công ty TNHH Netafim	*14.519.305*	*16.423.630*
- Các nhà cung cấp khác	*61.514.888*	*285.544.533*
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	44.774.842	33.608.709
Trả trước cho thầu phụ của các dự án sân bay tại Lào	1.188.097	3.282.978
TỔNG CỘNG	**183.774.708**	**735.872.145**
Trong đó:		
Trả trước cho các bên thứ ba	*145.305.439*	*103.139.592*
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 33)	*38.469.269*	*632.732.553*

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Cho vay các bên thứ ba	73.000.000	77.026.408
- Bà Lê Thùy Dương (i)	*73.000.000*	-
- Ông Phạm Ngọc Anh	-	*74.100.882*
- Khác	-	*2.925.526*
Cho vay các bên liên quan *(TM số 33) (ii)*	3.814.000	280.606.633
	76.814.000	357.633.041
Dài hạn		
Cho vay các bên thứ ba	-	169.658.491
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki	-	*141.465.392*
- Các bên khác	-	*28.193.099*
Cho vay các bên liên quan *(TM số 33)*	-	1.836.056.482
	-	2.005.714.973
TỔNG CỘNG	**76.814.000**	**2.363.348.014**

(i) Khoản cho vay tín chấp, lãi suất 11,6%/năm và có thời hạn hoàn trả trong năm 2019.
(ii) Các khoản cho vay tín chấp, không lãi suất, có thời hạn hoàn trả trong năm 2019.

9. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Phải thu nhân viên	159.925.897	72.631.171
Lãi cho vay	9.955.931	61.470.348
Cho mượn các công ty	5.777.694	17.589.684
Khác	36.544.831	74.487.918
	212.204.353	226.179.121
Dài hạn		
Ký quỹ	6.556.215	6.080.073
Lãi cho vay các công ty	-	266.086.939
Cho mượn các công ty	-	248.004.788
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	125.750.981
	6.556.215	645.922.781
TỔNG CỘNG	**218.760.568**	**872.101.902**
Trong đó:		
Phải thu từ các bên thứ ba	*209.273.580*	*104.447.411*
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 33)		
- Ngắn hạn	*9.486.988*	*127.811.783*
- Dài hạn	-	*639.842.708*

10. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.088.623.555	828.112.025
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng (i)	*609.273.069*	*570.300.836*
Hoạt động sản xuất, trồng cây ăn trái	*461.687.641*	*130.785.570*
Chi phí nuôi bò thịt	*17.662.845*	*127.025.619*
Nguyên vật liệu	132.746.014	119.053.882
Thành phẩm	46.872.104	12.120.220
Hàng hóa	28.543.749	20.005.515
Công cụ, dụng cụ	9.665.525	36.640.124
TỔNG CỘNG	**1.306.450.947**	**1.015.931.766**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.562.881)	(7.371.362)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.294.888.066**	**1.008.560.404**

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào theo Hợp đồng Xây dựng số LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị nghiệm thu cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 25.584.644 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 25.584.644 USD).

Theo biên bản làm việc số 27610/GTVT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa đại diện chủ đầu tư là Cục hàng không dân dụng Chính phủ Lào, đại diện Công ty Tư vấn Giám sát dự án và Nhóm Công ty, dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện đến ngày 20 tháng 6 năm 2019.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Ngàn VND

	Cây trồng lâu năm	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Nhà cửa và vật kiến trúc*	*Máy móc và thiết bị*	*Vật nuôi và vườn cây*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá								
Số đầu năm	3.727.422.539	2.127.373.362	1.343.623.146	380.147.267	394.025.117	1.581.529	15.737.774	7.989.910.734
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	2.927.607.634	79.575.789	77.028.249	465.956	-	115.066	-	3.084.792.694
Mua trong năm	-	23.778.383	22.572.893	55.221.132	-	271.532	741.069	102.585.009
Phân loại từ hàng tồn kho	-	-	-	-	41.436.783	-	-	41.436.783
Thanh lý trong năm	(186.476)	(10.653.458)	(10.134.361)	(14.380.350)	(394.539.667)	-	(1.002.440)	(429.894.312)
Xóa sổ	-	(873.232)	(20.230.786)	(1.592.631)	(23.715.968)	-	(162.738)	(47.415.057)
Chênh lệch tỷ giá	(38.442.261)	15.683.250	(2.645.790)	436.776	(3.985.434)	(8.280)		(29.124.477)
Số cuối năm	6.616.401.436	2.234.884.094	1.410.213.351	420.298.150	13.220.831	1.959.847	15.313.665	10.712.291.374
Trong đó:								
Đã khấu hao hết	-	32.908.195	19.409.067	35.908.040	-	1.061.528	3.251.066	92.537.896
Khấu hao lũy kế								
Số đầu năm	(201.369.473)	(366.742.269)	(281.355.752)	(172.561.029)	(92.128.749)	(1.318.170)	(4.133.381)	(1.119.608.823)
Khấu hao trong năm	(194.807.629)	(179.794.955)	(98.408.856)	(50.233.351)	(27.832.120)	(106.031)	(2.947.647)	(554.130.589)
Thanh lý trong năm	-	3.579.337	5.375.515	6.198.345	116.414.284	-	698.858	131.567.481
Xóa sổ	-	132.635	5.253.886	554.556	2.170.420	-	71.840	8.810.355
Chênh lệch tỷ giá	2.682.480	397.815	883.766	(2.791)	627.470	5.556	(6.310.330)	4.666.136
Số cuối năm	(393.494.622)	(542.427.437)	(368.251.441)	(216.044.270)	(748.695)	(1.418.645)	(1.528.695.440)	
Giá trị còn lại								
Số đầu năm	3.526.053.066	1.760.631.093	1.062.267.394	207.586.238	301.896.368	263.359	11.604.393	6.870.301.911
Số cuối năm	6.222.906.814	1.692.456.657	1.041.961.910	204.253.880	12.472.136	541.202	9.003.335	9.183.595.934
Trong đó:								
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23)	6.222.906.814	1.692.456.657	990.780.891	201.155.560	12.472.136	-	7.209.391	9.126.981.449

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị công trình Khách sạn Hoàng Anh Attapeu trị giá 51.861.063 ngàn VND, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (công ty con của Công ty) đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu, bên thứ ba.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND

	Chương trình phần mềm	*Quyền sử dụng đất*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	48.197.185	6.648.075	54.845.260
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(23.766.614)	(914.110)	(24.680.724)
Hao mòn trong năm	(5.982.998)	(332.403)	(6.315.401)
Số cuối năm	(29.749.612)	(1.246.513)	(30.996.125)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.430.571	5.733.965	30.164.536
Số cuối năm	18.447.573	5.401.562	23.849.135

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí phát triển vườn cây cao su *(*)*	5.866.751.345	7.453.929.248
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu *(*)*	3.475.316.316	3.315.442.937
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái *(*)*	2.401.125.837	1.680.929.811
Nhà cửa và vật kiến trúc *(*)*	481.190.254	265.425.840
Xây dựng nhà máy sản xuất cọ dầu	434.245.963	417.589.499
Chi phí dự án bò	-	6.617.792
Chi phí vườn tiêu	-	114.959.517
Các công trình khác	92.481.194	92.679.704
TỔNG CỘNG	**12.751.110.909**	**13.347.574.348**

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty *(TM số 23)*.

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay trị giá 613.834.029 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 696.738.105 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phát triển các vườn cây cao su, cọ dầu và cây ăn trái.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 15.1)	299.447.924	861.491.710
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 15.2)	7.783.830	-
TỔNG CỘNG	**307.231.754**	**861.491.710**

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ sở hữu %	*Giá trị ghi sổ* Ngàn VND	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Giá trị ghi sổ* Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	299.447.924	49,14	297.149.821
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai *(*)*	Chăn nuôi và cây ăn trái	-	-	23,46	564.341.889
TỔNG CỘNG			**299.447.924**		**861.491.710**

(*) Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, công ty con trong Nhóm Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 23,46% tỷ lệ sở hữu trong CNGL, cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận số tiền lãi trị giá 73.082.312 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(TM số 27.2)*.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Ngàn VND

	CNGL	*Bidiphar*	*Giá trị*
Giá trị đầu tư			
Số đầu năm	589.200.000	286.004.636	875.204.636
Thanh lý công ty liên kết	(589.200.000)	-	(589.200.000)
Số cuối năm	-	286.004.636	286.004.636
Phần lãi (lỗ) lũy kế sau khi đầu tư			
Số đầu năm	(24.858.111)	11.145.185	(13.712.926)
Phần lãi (lỗ) từ công ty liên kết trong năm	(24.214.074)	12.755.926	(11.458.148)
Thanh lý công ty liên kết	49.072.185	-	49.072.185
Cổ tức	-	(10.457.823)	(10.457.823)
Số cuối năm	-	13.443.288	13.443.288
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	564.341.889	297.149.821	861.491.710
Số cuối năm	-	299.447.924	299.447.924

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty liên kết	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ sở hữu %	*Giá trị ghi sổ* Ngàn VND	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Giá trị ghi sổ* Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng *(*)*	Kinh doanh cây ăn trái	45,00	7.783.830	-	-

(*) Vào ngày 1 tháng 11 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 96.900 cổ phần, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng") từ Ông Nông Ngọc Trung với mục đích nắm giữ dưới 20% tỷ lệ sở hữu trong Cánh Đồng Vàng theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1510/18/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 15 tháng 10 năm 2018. Vì vậy, khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng 11.400 cổ phần, tương đương 6% tỷ lệ sở hữu tại Cánh Đồng Vàng cho Công ty TNHH Dịch Vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên"). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Cánh Đồng Vàng đã giảm từ 51% xuống 45% tại ngày này.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 57.000 cổ phần, tương đương 30% tỷ lệ sở hữu tại Cánh Đồng Vàng cho Nông Nghiệp Tây Nguyên. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Cánh Đồng Vàng đã giảm từ 45% xuống 15% tại ngày này.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí phát triển vườn ớt	12.548.563	24.650.486
Công cụ, dụng cụ	1.637.637	2.678.440
Chi phí khác	6.751.410	1.131.556
	20.937.610	28.460.482
Dài hạn		
Chi phí phát triển vườn chuối	787.655.406	312.203.799
Tiền thuê đất	65.526.788	67.902.411
Chi phí khai hoang	52.379.067	119.745.845
Công cụ, dụng cụ	18.622.267	11.690.885
Chi phí thuê văn phòng	5.333.584	5.303.877
Chi phí phát triển vườn chanh dây	-	26.091.334
Chi phí khác	12.494.163	9.582.009
	942.011.275	552.520.160
TỔNG CỘNG	**962.948.885**	**580.980.642**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh từ nghiệp vụ mua các công ty:

Ngàn VND

	An Đông Mia	Cao su Đông Dương	Bò sữa Tây Nguyên	Đông Pênh	Cao su Trung Nguyên	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm và cuối năm	565.417.677	168.887.099	72.228.357	611.353.527	2.667.823.198	4.085.709.858
Phân bổ lũy kế						
Số đầu năm	(118.470.104)	(30.962.635)	(19.260.896)	(130.397.632)	(289.014.180)	(588.105.447)
Phân bổ trong năm	(56.541.768)	(16.888.710)	(7.222.836)	(61.135.353)	(266.782.320)	(408.570.987)
Số cuối năm	(175.011.872)	(47.851.345)	(26.483.732)	(191.532.985)	(555.796.500)	(996.676.434)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	446.947.573	137.924.464	52.967.461	480.955.895	2.378.809.018	3.497.604.411
Số cuối năm	390.405.805	121.035.754	45.744.625	419.820.542	2.112.026.698	3.089.033.424

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. 18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	407.121.181	677.867.839
- *Ông Pramoul Kaokitwilai*	*28.152.973*	*28.086.149*
- *Công ty TNHH MTV Minh Bình Gia Lai*	*13.973.835*	*1.323.730*
- *Các nhà cung cấp khác*	*364.994.373*	*648.457.960*
Phải trả nhà thầu xây dựng	6.558.393	4.873.670
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	46.076	45.530
Phải trả khác	-	1.346.708
TỔNG CỘNG	**413.725.650**	**684.133.747**
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	*329.655.344*	*234.741.093*
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	*84.070.306*	*449.392.654*

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	86.711.848	222.218.380
- *Ông Lim Yau Hewy*	*24.149.000*	*23.370.000*
- *Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh*	*5.921.550*	*979.020*
- *Các bên khác*	*56.641.298*	*197.869.360*
Bên liên quan *(TM số 33)*	-	145.880.678
TỔNG CỘNG	**86.711.848**	**368.099.058**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.523.595	499.451	(8.687.658)	30.335.388
Thuế giá trị gia tăng	21.093.682	10.313.288	(24.584.854)	6.822.116
Thuế thu nhập cá nhân	5.087.567	36.825.375	(35.830.532)	6.082.410
Thuế khác	6.308.183	962.990	(4.445.370)	2.825.803
TỔNG CỘNG	**71.013.027**	**48.601.104**	**(73.548.414)**	**46.065.717**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	948.904.093	705.108.055
Chi phí lãi vay	577.022.877	545.998.151
Chi phí khác	22.110.000	22.000.000
	1.548.036.970	1.273.106.206
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	759.275.084	1.589.659.464
TỔNG CỘNG	**2.307.312.054**	**2.862.765.670**
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	*2.114.464.712*	*1.656.593.329*
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)		
- Ngắn hạn	*83.882.304*	*312.598.223*
- Dài hạn	*108.965.038*	*893.574.118*

22. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn các công ty và cá nhân	383.737.755	465.529.914
Phải trả tiền thuê đất	77.030.840	51.528.927
Nợ vay sẽ hoán đổi thành vốn *(TM số 24.1)*	-	1.197.000.000
Phải trả về hợp tác kinh doanh	-	150.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	30.770.128	167.276.273
	491.538.723	2.031.335.114
Dài hạn		
Phải trả về hợp tác kinh doanh *(i)*	550.000.000	1.064.788.888
Phải trả tiền mượn công ty và cá nhân	326.733.232	653.972.343
Phải trả tiền thuê đất	112.132.020	135.665.953
	988.865.252	1.854.427.184
TỔNG CỘNG	**1.480.403.975**	**3.885.762.298**
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	*402.985.441*	*1.098.896.957*
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)		
- Ngắn hạn	*223.267.663*	*1.084.916.855*
- Dài hạn	*854.150.871*	*1.701.948.486*

B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(i) HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con của Công ty), và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến"), bên liên quan, để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt và bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND với thời hạn năm (5) năm theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư ngày 20 tháng 5 năm 2016. Theo đó, An Tiến sẽ góp 700.000.000 ngàn VND vốn đầu tư vào dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, An Tiến đã góp số tiền là 550.000.000 ngàn VND.

Ngoài ra, trong năm, Công ty Cổ phần An Đông Mia, công ty con của Công ty, đã thực hiện chuyển đổi khoản phải trả theo HĐHTKD với Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ của Công ty, thành khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 30-03/HĐV-HAGL ngày 30 tháng 3 năm 2018 với giá trị là 514.788.889 ngàn VND (TM số 23.7).

23. VAY

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn trái phiếu *(TM số 23.1)*	2.153.212.703	-
Vay ngắn hạn từ bên liên quan *(TM số 23.4 và 33)*	1.729.600.000	19.914.300
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 23.5)	762.209.407	99.041.730
Vay ngắn hạn ngân hàng *(TM số 23.2)*	683.258.273	681.528.062
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả *(TM số 23.6)*	484.897.156	86.717.200
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân *(TM số 23.3)*	60.729.000	61.357.300
Vay dài hạn từ cá nhân đến hạn trả *(TM số 23.8)*	5.000.000	-
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả *(TM số 23.7 và 33)*	-	776.500.000
	5.878.906.539	1.725.058.592
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng *(TM số 23.5)*	4.318.640.315	5.376.165.420
Vay dài hạn bên liên quan *(TM số 23.7 và 33)*	3.679.224.833	5.024.597.558
Vay dài hạn trái phiếu *(TM số 23.6)*	1.553.227.582	2.030.418.477
Vay dài hạn từ cá nhân *(TM số 23.8)*	-	5.000.000
	9.551.092.730	12.436.181.455
	15.429.999.269	**14.161.240.047**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

	Vay ngắn hạn	*Vay dài hạn*	*Tổng cộng*
Số đầu năm	1.725.058.592	12.436.181.455	14.161.240.047
Tiền thu từ đi vay	3.237.959.857	954.562.380	4.192.522.237
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	2.217.100.000	-	2.217.100.000
Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi	(105.576.190)	-	(105.576.190)
Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	41.941.226	-	41.941.226
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.742.692.910)	(1.728.552.822)	(3.471.245.732)
Chuyển đổi khoản phải trả thành nợ vay	200.000.000	1.404.954.952	1.604.954.952
Vay dài hạn đến hạn trả	1.279.917.215	(1.279.917.215)	-
Cấn trừ với khoản phải thu	(993.125.783)	(2.261.455.063)	(3.254.580.846)
Chi phí phát trái phiếu	(252.333)	7.754.925	7.502.592
Chênh lệch tỷ giá	18.576.865	17.564.118	36.140.983
Số cuối năm	5.878.906.539	9.551.092.730	15.429.999.269

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn

Tổ chức thu xếp phát hành	*Trái chủ*	*Giá trị* *Ngàn VND*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Mục đích*	*Tài sản đảm bảo*	*Nội dung khác*
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("VNDIRECT")	Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO")	2.216.880.000	Ngày 9 tháng 8 năm 2019	0,00	Đầu tư trồng mới cây ăn trái, tái cơ cấu tài chính của Nhóm Công ty	Tín chấp	Vào ngày đáo hạn (ngày 9 tháng 8 năm 2019), tổ chức phát hành sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần chuyển đổi và tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần chuyển đổi trên với giá chuyển đổi là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ phần chuyển đổi sẽ có giá trị ngang bằng với tất cả các cổ phần đang lưu hành khác.
	Trái chủ khác	220.000					
Chi phí phát hành		(252.333)					
Giá trị trái phiếu theo mệnh giá		**2.216.847.667**					
Giá trị trái phiếu tại ngày cuối năm *(i)*		**2.153.212.703**					

(i) Chi tiết của khoản trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn như sau:

Ngàn VND

	Giá trị
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	
Giá trị vay chuyển đổi	2.216.847.667
Cấu phần vốn chủ sở hữu *(Thuyết minh số 24.1)*	(105.576.190)
Cấu phần nợ gốc ghi nhận ban đầu	**2.111.271.477**
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	**41.941.226**
Số đầu năm	-
Số phân bổ trong năm	41.941.226
Số cuối năm	41.941.226
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	**2.153.212.703**

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngàn VND

	Số đầu năm	*Số cuối năm*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPbank")	599.911.828	321.597.754
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	83.346.445	80.737.650
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	-	124.692.721
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	-	119.898.087
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	-	34.601.850
TỔNG CỘNG	**683.258.273**	**681.528.062**

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Nguyên tệ* *USD*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Tài sản đảm bảo* *(TM số 11 và 13)*
TPbank, Chi nhánh Hà Nội					
Khoản vay ngày 21 tháng 4 năm 2017	599.911.828	-	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2019 đến ngày 21 tháng 9 năm 2019	Lãi suất năm đầu tiên 10,00%, sau đó thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở năm hạn 3 tháng của TPbank cộng biên độ 3,20 %/năm (2018: 10,20 - 10,50)	Tài sản của Cao su Eastern đã, đang và sẽhình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha; 453,7 ha đất trồng trái cây tại Bản Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng; 32.829.686 cổ phiếu HNG do HAG sở hữu.
Sacombank, Chi nhánh Campuchia					
Khoản vay ngày 20 tháng 6 năm 2017	83.346.445	3.500.000	Ngày 10 tháng 4 năm 2019	9,00	1.123 ha đất tô nhượng và vườn cao su có địa chỉ tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia có giấy chứng nhận số Kor Ror 0193 ký ngày 16 tháng 8 năm 2016, thuộc sở hữu của Cao su Eastern.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.VAY (tiếp theo)

23.3 Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân

Bên cho vay	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất %/năm*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Bà Trần Thị Hữu Duyên					
Khoản vay số 1	24.581.000	Ngày 27 tháng 8 năm 2019	7,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay số 2	8.948.000	Ngày 30 tháng 1 năm 2019	10,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Cảnh Hưng Hải Thành (*)	18.000.000	Ngày 27 tháng 10 năm 2017	9,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ông Vũ Duy Khương	9.200.000	Ngày 24 tháng 8 năm 2019	10,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**60.729.000**				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho khoản vay đến hạn theo lịch thanh toán trên.

23.4 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Bên cho vay	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất %/năm*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ					
Khoản vay ngày 1 tháng 10 năm 2018	781.218.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019	6,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 26 tháng 11 năm 2018	202.250.000	Ngày 5 tháng 6 năm 2019	6,50	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")					
Khoản vay ngày 1 tháng 10 năm 2018	592.682.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019	6,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 26 tháng 11 năm 2018	153.450.000	Ngày 5 tháng 6 năm 2019	6,50	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**1.729.600.000**				

B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Mục đích vay*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.888.233.421	2.295.153.685	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	1.034.341.177	1.101.803.662	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu, cây ăn trái và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	1.004.832.520	1.028.561.205	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	903.442.604	1.049.688.598	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu, nuôi bò
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPbank")	250.000.000	-	Tài trợ dự án cao su, cây ăn trái
TỔNG CỘNG	**5.080.849.722**	**5.475.207.150**	
Trong đó:			
- Vay dài hạn	*4.318.640.315*	*5.376.165.420*	
- Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	*762.209.407*	*99.041.730*	

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	***Số cuối năm*** *Ngàn VND*	***Nguyên tệ*** *Ngàn VND*	*USD*	***Thời hạn thanh toán***	***Lãi suất*** *%/ năm*	***Tài sản đảm bảo*** *(TM số 11 và 13)*
BIDV, Chi nhánh Gia Lai						
Khoản vay ngày 1 tháng 4 năm 2010	734.927.398	-	31.632.382	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70 (2018: 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, và Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu.
Khoản vay ngày 19 tháng 6 năm 2015	577.088.948	289.818.145	12.361.050	Từ ngày 1 tháng 6 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	USD: 8,20 - 8,80; VND: 8,20 - 11,60	2 tầng thuộc khu thương mại tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bàu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"); 7 xe ô tô thuộc sở hữu của HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; 10.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Huyện Iapa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên.

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	***Số cuối năm*** *Ngàn VND*	***Nguyên tệ*** *USD*	***Thời hạn thanh toán***	***Lãi suất*** *%/ năm*	***Tài sản đảm bảo*** *(TM số 11 và 13)*
BIDV, Chi nhánh Bình Định					
Khoản vay ngày 18 tháng 2 năm 2013 *(*)*	576.217.075	25.050.531	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00 (2018: 7,00)	Quyền sử dụng đất Khu căn hộ cao cấp HAGL gồm 47 căn hộ, block A,B,C tại số 40 Đường Hùng Vương, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk; 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại số 6 Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Nhà máy đá Granit HAGL tại dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m^2; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu.
TỔNG CỘNG	**1.888.233.421**				
Trong đó:					
- Vay dài hạn	*1.305.862.648*				
- Vay dài hạn đến hạn trả	*582.370.773*				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng là 14.825 ha, chưa tuân thủ cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 17.950 ha. Ngoài ra, Nhóm công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo, và đã bán toàn bộ căn hộ Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Daklak, thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk .

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Nguyên tệ* *Ngàn VND*	*Nguyên tệ* *USD*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Tài sản đảm bảo* *(TM số 11 và 13)*
HD Bank, Chi nhánh Đồng Nai						
Khoản vay ngày 25 tháng 4 năm 2014 (*)	887.541.177	450.000.000	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2023	USD: 7,50 VND: 11,00	36.000.000 cổ phiếu HAG của Ông Đoàn Nguyên Đức ("Chủ tịch HĐQT") và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - vợ Chủ tịch; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Hoàng Anh Lumphat; 13,9 triệu cổ phần của HNG góp vốn tại An Đông Mia; 6 triệu cổ phần của Bò Sữa Tây Nguyên góp vốn tại An Đông Mia; 100.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai tại An Đông Mia.
HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk						
Khoản vay ngày 30 tháng 3 năm 2018	90.000.000	90.000.000	-	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	11,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái, cây gia vị được thực hiện trên thửa đất tại Xã Ea H'leo, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cọ dầu của Nhóm Công ty thực tế trồng là 4.875,2 ha, chưa tuân thủ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 6.653 ha.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Tài sản đảm bảo* *(TM số 11 và 13)*
HD Bank, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay ngày 30 tháng 9 năm 2016	49.800.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2019 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	12,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên.
Khoản vay ngày 29 tháng 12 năm 2017	7.000.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	13,00	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án (bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án) thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên; 15 xe đầu kéo, 15 somi romooc thuộc sở hữu của Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai.
TỔNG CỘNG	**1.034.341.177**			
Trong đó:				
- Vay dài hạn	*1.004.341.177*			
- Vay dài hạn đến hạn trả	*30.000.000*			

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Nguyên tệ* *Ngàn LAK*	*USD*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Tài sản đảm bảo* *(TM số 11 và 13)*
Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu						
Khoản vay ngày 5 tháng 8 năm 2015 và ngày 26 tháng 11 năm 2015 *(*)*	348.901.858	-	15.168.202	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2019 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10,00	Trụ sở làm việc của Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò (14.219 con) nhập về thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay ngày 15 tháng 3 năm 2013 *(**)*	278.600.243	38.155.000	7.649.850	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2019 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	LAK: 12,75 USD: 10,00	Quyền sử dụng và khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã thanh lý toàn bộ số bò, theo đó, Nhóm Công ty không đảm bảo đủ số lượng bò nhập 14.219 con theo quy định của Hợp đồng tín dụng này.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cọ dầu của Nhóm Công ty thực tế là 2.850,27 ha, chưa tuân thủ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 3.155,79 ha.

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Nguyên tệ* *Ngàn LAK*	*USD*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Tài sản đảm bảo* *(TM số 11 và 13)*
Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)						
Khoản vay ngày 9 tháng 7 năm 2015 *(*)*	198.520.151	-	8.630.489	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2019 đến ngày 1 tháng 10 năm 2022	10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu trị giá đảm bảo 26.460.000 USD thuộc sở hữu của Hoàng Anh - Quang Minh (Lào).
Khoản vay ngày 25 tháng 11 năm 2015	77.420.352	-	-	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2019 đến ngày 25 tháng 11 năm 2020	10,00	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu.
TỔNG CỘNG	**903.442.604**					
Trong đó:						
- Vay dài hạn	*786.629.135*					
- Vay dài hạn đến hạn trả	*116.813.469*					

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn chưa đảm bảo đủ giá trị đàn bò là 24.460.000 USD theo yêu cầu của Hợp đồng tín dụng này.

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Nguyên tệ* *Ngàn VND*	*USD*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Tài sản đảm bảo* *(TM số 11 và 13)*
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn						
Khoản vay ngày 28 tháng 12 năm 2016 *(*)*	300.000.000	300.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2021	10,00	15.000.000 cổ phiếu HNG do HAG sở hữu; Quyền sử dụng 687,9 ha của Hoàng Anh Đắk Lắk tại Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam; 18.570.000 cổ phiếu HAG do Chủ tịch HĐQT sở hữu; Nguồn thu từ dự án 3.476,58 ha cao su; 4.999.000 cổ phần thuộc sở hữu của HNG tại Hoàng Anh - Quang Minh.
Khoản vay ngày 3 tháng 1 năm 2014 *(**)*	262.454.605	262.454.605	-	Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	2018: 9,60 và từ 2019 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối năm của Sacombank + (cộng) biên độ 2,00%/ năm được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT và 14,5 triệu cổ phần của Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng là 3.122,72 ha, chưa tuân thủ cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 3.476,58 ha. Ngoài ra, Nhóm công ty chưa mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng thực tế của Nhóm Công ty là 44.479 ha, chưa tuân thủ cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 70.643 ha.

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Nguyên tệ* *Ngàn VND*	*USD*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Tài sản đảm bảo* *(TM số 11 và 13)*
Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức						
Khoản vay ngày 29 tháng 11 năm 2013 *(*)*	250.000.000	250.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 6 tháng 12 năm 2026	9,00	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,84 tỷ VND thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk; và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê.
Khoản vay ngày 11 tháng 10 năm 2016	85.000.000	85.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2020 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,50 cho năm đầu tiên và các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả sau của Sacombank + 2,50 (2018: 9,50)	Quyền sử dụng 1.328 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Xã Ia Púch, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên.
Khoản vay ngày 18 tháng 7 năm 2017	16.100.000	16.100.000	-	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2020 đến ngày 20 tháng 7 năm 2022	9,50 cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo sẽ được thông báo bởi ngân hàng	Toàn bộ vườn cây cao su, công trình gắn liền với đất, quyền khai thác và các tài sản khác với diện tích 1.328,1 ha thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cọ dầu của Nhóm Công ty thực tế là 7.004 ha, chưa tuân thủ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng là 9.470 ha.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	***Số cuối năm*** *Ngàn VND*	***Nguyên tệ*** *Ngàn VND*	*USD*	***Thời hạn thanh toán***	***Lãi suất*** *%/ năm*	***Tài sản đảm bảo*** *(TM số 11 và 13)*
Sacombank, Chi nhánh Campuchia						
Khoản vay ngày 16 tháng 6 năm 2016	68.037.915	-	2.857.143	Từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 đến ngày 21 tháng 6 năm 2021	9,00	Quyền sử dụng đất: Dự án bìa đỏ 1 tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia; Dự án số 2 tại Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia, thuộc sở hữu của Cao su Eastern.
Khoản vay ngày 20 tháng 7 năm 2017	23.240.000	-	1.000.000	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2019 đến 24 tháng 7 năm 2022	9,00	Quyền sử dụng tô nhượng đất kinh tế 728,24 ha; Lô đất tại Thôn Sre Thmay Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia, thuộc sở hữu của Cao su Eastern.
TỔNG CỘNG	**1.004.832.520**					
Trong đó:						
- Vay dài hạn	*971.807.355*					
- Vay dài hạn đến hạn trả	*33.025.165*					

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	***Số cuối năm*** *Ngàn VND*	***Nguyên tệ*** *USD*	***Thời hạn thanh toán***	***Lãi suất*** *%/ năm*	***Tài sản đảm bảo*** *(TM số 11 và 13)*
TPbank, Hội sở					
Khoản vay ngày 19 tháng 11 năm 2018	100.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến ngày 25 tháng 11 năm 2021	11,00	Chứng khoán cùng lợi tức, cổ tức và các quyền và lợi ích phát sinh từ 15.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG.
TPbank, Chi nhánh Hà Nội					
Khoản vay ngày 19 tháng 11 năm 2018	150.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến ngày 25 tháng 11 năm 2021	11,00	878,3 ha đất tại Ấp Srae Thmey, Xã Ksem, Huyện Snoul, Tỉnh Kratie, Campuchia thuộc sở hữu Cao su Eastern.
TỔNG CỘNG	**250.000.000**				
Trong đó:					
- Vay dài hạn	*250.000.000*				
- Vay dài hạn đến hạn trả	*-*				

23. VAY (tiếp theo)

23.6 Trái phiếu

Trái phiếu thường

Ngân hàng	*Trái chủ*	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Lãi suất* *%/ năm*	*Thời hạn thanh toán*	*Mục đích*	*Tài sản đảm bảo* *(Thuyết minh số 11 và 13*
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital *(*)*	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB") Ngân hàng TMCP Quốc Dân *(**)*	1.394.000.000 300.000.000	10,50 cho kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB - Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,50 (2018: 10,90 - 12,00)	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021 Từ ngày 17 tháng 2 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	Cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu kèm chứng quyền có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND *(**)* được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	166.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"). Trong đó, 16.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND do HAG phát hành.
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	VPB	344.234.136	10,50 cho kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,00 (2018: 11,10 - 11,50)	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2019 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Cơ cấu lại nợ của Công ty	166.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của các công ty con của Công ty và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.
Chi phí phát hành trái phiếu		(109.398)				
TỔNG CỘNG		**2.038.124.738**				
Trong đó:						
- Trái phiếu dài hạn		*1.553.227.582*				
- Trái phiếu dài hạn đến hạn		*484.897.156*				

23. VAY (tiếp theo)

23.6 Trái phiếu (tiếp theo)

Trái phiếu thường (tiếp theo)

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

(**) Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình thương thảo với Euro Capital về việc gia hạn hoặc thực hiện chứng quyền.

23.VAY (tiếp theo)

23.7 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất %/năm*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG") - Công ty mẹ (TM số 33)					
Khoản vay ngày 4 tháng 7 năm 2016	2.314.922.877	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,20 - 11,60	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 30 tháng 3 năm 2018	514.788.889	Ngày 30 tháng 3 năm 2023	10,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 5 tháng 7năm 2015	300.000.000	Ngày 28 tháng 7 năm 2020	9,75	Tài trợ dự án nhà máy chế biến cọ dầu và nhà máy nhiệt điện tại Campuchia	Tín chấp
Khoản vay ngày 7 tháng 12 năm 2016	289.612.200	Ngày 1 tháng 1 năm 2022	12,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 6 tháng 1 năm 2014	259.900.867	Ngày 6 tháng 1 năm 2020	9,75	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**3.679.224.833**				

23.8 Các khoản vay dài hạn cá nhân

Bên cho vay	*Số cuối năm* *Ngàn VND*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất %/năm*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Ông Huỳnh Trần Thanh Phương					
Khoản vay ngày 28 tháng 6 năm 2017	5.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2019	6,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**5.000.000**				
Trong đó:					
- Vay dài hạn	-				
- Vay dài hạn đến hạn trả	*5.000.000*				

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư Vốn cổ phần*	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số đầu năm	7.671.438.950	1.064.550.810	-	543.342.876	383.861.675	9.663.194.311
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	527.438.216	527.438.216
Thanh lý công ty con	-	-	-	(36.974.621)	-	(36.974.621)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(51.775.865)	-	(51.775.865)
Số cuối năm	7.671.438.950	1.064.550.810	-	454.592.390	911.299.891	10.101.882.041
Năm nay						
Số đầu năm	7.671.438.950	1.064.550.810	-	454.592.390	911.299.891	10.101.882.041
Phát hành cổ phiếu *(*)*	1.197.000.000	-	-	-	-	1.197.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(659.149.758)	(659.149.758)
Giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát của công ty con nhưng không làm mất quyền kiểm soát *(TM số 4)*	-	-	-	-	(148.694.971)	(148.694.971)
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	105.576.190	-	-	105.576.190
Chi thù lao thành viên ban kiểm soát	-	-	-	-	(810.000)	(810.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	50.769.413	-	50.769.413
Số cuối năm	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	505.361.803	102.645.162	10.646.572.915

(*) Vào ngày 9 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược (TM số 22) để hoán đổi nợ phải trả thành vốn cổ phần, phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 9 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND. Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Gia Lai, chấp thuận việc tăng vốn trên.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Cổ phiếu

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	767.143.895	767.143.895
Tăng vốn trong năm	119.700.000	-
Số cuối năm	886.843.895	767.143.895

24.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm *Cổ phiếu*	*Số đầu năm* *Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	886.843.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ *Cổ phiếu phổ thông*	*886.843.895*	*767.143.895*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành *Cổ phiếu phổ thông*	*886.843.895*	*767.143.895*

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	50.886.343	59.875.052
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ	3.035.231	3.024.433
Giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát của công ty con nhưng không làm mất quyền kiểm soát	(24.116.892)	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	(495.000)	-
Thanh lý công ty con	-	(12.013.142)
Số cuối năm	29.309.682	50.886.343

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
B09-DN/HN

26. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính (lỗ) lãi cơ bản và (lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước*
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ *(ngàn VND)*	(659.149.758)	527.438.216
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu *(cổ phiếu)*	866.183.347	767.143.895
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ quyền mua cổ phiếu *(i)*	162.675.507	140.718.703
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi *(ii)*	221.710.000	-
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	1.250.568.854	907.862.598
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND)*	(761)	688
(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND)*	(527)	581

(i) Như đã trình bày tại TM số 23.6 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã phát hành 2.000 tỷ VND trái phiếu kèm chứng quyền với mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu. Các chứng quyền này có tác động suy giảm lãi (lỗ) trên cổ phiếu trong tương lai.

(ii) Như đã trình bày tại TM số 23.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 7 tháng 8 năm 2018, Nhóm Công ty đã phát hành khoản trái phiếu chuyển đổi với tổng giá trị là 2.217.100.000 ngàn VND với mệnh giá 10 triệu VND/trái phiếu. Các trái phiếu chuyển đổi này có tác động suy giảm lãi (lỗ) trên cổ phiếu trong tương lai.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu bán trái cây	2.351.617.889	1.617.509.655
Doanh thu bán ớt	496.448.129	24.931.966
Doanh thu bán mủ cao su	345.167.899	454.358.577
Doanh thu bán hàng hóa, hàng phụ phẩm, phế phẩm	292.364.339	244.417.863
Doanh thu bán bò	126.874.935	757.655.995
Doanh thu bán tiêu	38.214.213	32.720.964
Doanh thu bán căn hộ	26.740.589	53.403.446
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	10.917.384	55.258.521
Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường	-	80.764.242
Doanh thu thuần	**3.688.345.377**	**3.321.021.229**
Trong đó:		
Doanh thu thuần với bên thứ ba	*3.104.071.336*	*3.001.433.740*
Doanh thu thuần với các bên liên quan	*584.274.041*	*319.587.489*

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	73.082.312	716.379.791
Lãi tiền cho vay	65.838.763	292.343.366
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.487.492	3.585.695
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.199.251	353.768
Khác	119.771	2.058.510
TỔNG CỘNG	**150.727.589**	**1.014.721.130**
Trong đó:		
Lãi tiền cho vay các bên liên quan	*49.037.033*	*285.962.314*

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn trái cây đã bán	1.247.147.011	748.210.484
Giá vốn ớt đã bán	335.048.650	7.673.011
Giá vốn mủ cao su đã bán	361.367.131	341.100.975
Giá vốn hàng hóa, hàng phụ phẩm, phế phẩm	18.578.858	108.164.576
Giá vốn bò đã bán	138.206.269	691.466.666
Giá vốn tiêu đã bán	34.962.327	16.793.630
Giá vốn căn hộ đã bán	27.632.944	55.918.445
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	24.121.237	16.233.374
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	-	120.937.447
TỔNG CỘNG	**2.187.064.427**	**2.106.498.608**

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay và trái phiếu	638.937.501	813.216.302
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.313.294	16.358.041
Khác	35.321.870	24.864.743
TỔNG CỘNG	**690.572.665**	**854.439.086**

B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	109.693.562	59.002.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.632.265	18.612.095
Chi phí nhân viên	10.211.387	9.510.999
Chi phí khấu hao	2.188.094	1.956.253
Khác	4.653.129	4.190.036
	149.378.437	93.271.543
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Phân bổ lợi thế thương mại *(TM số 17)*	408.570.987	408.570.987
Chi phí nhân viên	56.185.369	63.523.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.800.846	21.521.250
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.120.863	14.854.390
Chi phí lập dự phòng	11.647.070	7.862.806
Khác	165.651.493	68.855.766
	684.976.628	585.188.578
TỔNG CỘNG	**834.355.065**	**678.460.121**

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	128.071.673
Nợ thuế được miễn	-	97.015.393
Khác	20.710.867	20.010.634
	20.710.867	245.097.700
Chi phí khác		
Chi phí thay đổi mục đích sử dụng tài sản	(299.178.838)	(281.526.530)
Chi phí phát triển vườn cây	(242.662.681)	(95.009.476)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(79.563.818)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(29.728.088)	(17.839.722)
Các khoản phạt	(26.972.709)	(10.616.826)
Khác	(83.990.460)	(67.125.334)
	(762.096.594)	(472.117.888)
LỖ KHÁC	**(741.385.727)**	**(227.020.188)**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32.THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2017: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con của Công ty tại Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKDN, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	499.451	22.297.875
Thuế TNDN trích (thừa) thiếu những năm trước	(4.647.050)	1.592.205
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	34.499.060	(113.097.948)
TỔNG CỘNG	**30.351.461**	**(89.207.868)**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế):

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	**(625.763.066)**	**441.254.781**
Điều chỉnh cho các khoản:		
Các khoản lỗ của các công ty con	842.321.736	416.740.574
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	408.570.987	408.570.987
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	(20.241.725)	74.529.370
Lợi nhuận từ hoạt động được miễn thuế	(399.605.472)	(146.013.144)
Dự phòng các khoản đầu tư vào khoản đầu tư	(214.456.985)	(59.582.399)
Lỗ từ công ty liên kết	11.458.148	24.885.213
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(97.302.362)	(73.893.319)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	9.857.984	16.621.411
Thặng dư từ việc thanh lý công ty con	(73.082.312)	(716.379.791)
Chênh lệch lãi vay ở khía cạnh hợp nhất	76.088.699	130.426.483
Cấn trừ lỗ năm trước	-	(559.282.330)
Các khoản khác	82.154.368	147.954.027
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	**-**	**105.831.863**
Thuế TNDN hiện hành ước tính	499.451	22.297.875
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu của năm trước	(4.647.050)	1.592.205
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	**(4.147.599)**	**23.890.080**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	38.237.764	10.255.096
Thuế TNDN được hoàn trong năm	-	1.225.741
Thuế TNDN đã trả trong năm	(3.881.946)	(1.000.064)
Các khoản (giảm) tăng khác	(158.662)	3.866.911
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**30.049.557**	**38.237.764**
Trong đó:		
Thuế TNDN phải trả (TM số 20)	*30.335.388*	*38.523.595*
Thuế TNDN trả trước	*(285.831)*	*(285.831)*

32.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

Ngàn VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	50.738.434	54.262.577	(3.524.143)	15.498.315
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Dự phòng khoản đầu tư	(42.891.397)	(11.916.480)	(30.974.917)	97.599.633
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			***(34.499.060)***	***113.097.948***

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nhóm Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con ("Tập đoan") và các bên liên quan khác trong Tập đoàn năm nay và năm trước như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn	1.566.296.280	93.800.000
		Mua hàng hóa, dịch vụ và nguyên vật liệu	101.513.023	400.635.181
		Chi phí lãi vay	366.866.926	535.817.953
		Lãi từ cho vay	8.807.785	11.386.457
		Cho vay	3.814.000	52.530.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán trái cây	526.802.033	61.067.210
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho mượn tiền và vật tư	202.086.065	328.530.951
		Vay và mượn	84.325.835	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	54.047.157	161.930.104
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	32.228.890	76.011.925
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Mua hàng hóa	73.686.063	128.070.165
		Vay và mượn	27.500.000	-
		Bán hàng hóa	17.485.155	45.203.698
		Lãi từ cho vay	7.989.993	31.073.578
		Chi phí lãi vay	5.241.878	-
		Bán bò	-	21.729.708
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	32.239.255	171.605.996
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi vay	-	10.170.174
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Trái phiếu chuyển đổi	2.153.465.036	-
		Vay	746.132.000	-
		Lãi vay	6.259.160	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho mượn	36.600.000	-
		Bán hàng hóa	4.763.129	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Mượn	1.794.900.000	-
		Hoàn trả	1.658.900.000	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mượn tiền	11.685.000	-
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	202.731.272	-

B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(TM số 6)*				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán trái cây	70.606.752	39.609.909
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Công ty liên quan	Bán trái cây	30.370.320	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	4.854.442	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	240.957	11.323.460
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	1.803	142.130.700
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Bán hàng hóa	-	432.326.587
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 1 năm 2018)	Bán trái cây	-	4.653.973
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	189.131	5.846.736
			106.263.405	**635.891.365**
Trả trước cho người bán ngắn hạn *(TM số 7)*				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	32.006.466	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	3.850.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	2.612.803	219.936.349
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Tạm ứng mua hàng hóa	-	397.012.295
Các công ty liên quan khác	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa và xây dựng công trình	-	15.783.909
			38.469.269	**632.732.553**

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Lãi suất (%/năm)*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay ngắn hạn *(TM số 8) (*)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	0,00	3.814.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	0,00	-	225.109.500
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	0,00	-	49.900.701
Công ty TNHH V&H Corporation	Công ty trong cùng Tập đoàn	0,00	-	5.596.432
			3.814.000	**280.606.633**
Phải thu về cho vay dài hạn *(TM số 8) (*)*				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	12,00 - 15,00	-	879.354.876
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	9,75 - 12,00	-	452.417.403
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	8,00	-	450.231.350
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	0,00	-	54.052.853
			-	**1.836.056.482**

(*) Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác *(TM số 9)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn	680.800	3.965.871
		Khác	3.917.872	313.680
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Công ty liên quan	Thu hộ	3.589.369	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Chi trả hộ	-	59.216.723
		Cho mượn tạm	-	331.611
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	-	44.353.801
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho mượn vật tư và tài sản	-	11.849.169
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	-	7.005.910
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	1.298.947	775.018
			9.486.988	**127.811.783**
Phải thu dài hạn khác *(TM số 9)*				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Lãi từ cho vay	-	141.245.383
		Hợp tác đầu tư	-	125.750.981
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	-	130.284.692
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho mượn vật tư và tài sản	-	117.720.096
		Lãi từ cho vay	-	2.551.686
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	-	110.903.413
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi từ cho vay	-	11.386.457
			-	**639.842.708**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả người bán ngắn hạn *(TM số 18)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua vật tư	(62.246.015)	(236.543.574)
Công ty Cổ phần Iapacco	Công ty liên quan	Mua vật tư	(17.788.694)	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Thuê kho	(3.934.019)	(22.997.784)
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(101.578)	(4.733.432)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(101.950.898)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(83.166.966)
			(84.070.306)	**(449.392.654)**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn *(TM số 19)*				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	(123.784.994)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	(22.074.780)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	-	(20.904)
			-	**(145.880.678)**
Chi phí phải trả ngắn hạn *(TM số 21)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	(77.623.144)	(256.888.296)
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay	(6.259.160)	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Lãi vay	-	(40.329.333)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi vay	-	(10.120.174)
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi vay	-	(5.260.420)
			(83.882.304)	**(312.598.223)**

B09-DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Chi phí phải trả dài hạn *(TM số 21)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	(108.965.038)	(893.574.118)
Phải trả ngắn hạn khác *(TM số 22)*				
Ông Đoàn Nguyên Đức *(*)*	Chủ tịch	Mượn tiền	(136.000.000)	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền	(39.871.191)	(4.907.428)
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn vật tư	(18.475.588)	-
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn tiền	(15.974.883)	(90.788.879)
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mượn tiền	(11.685.000)	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh Mượn tiền	- -	(150.000.000) (4.100.000)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Nhận vốn góp	-	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Mượn tạm Khác	- -	(243.676.688) (6.422.202)
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn tiền	-	(67.800.000)
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mượn tiền và các khoản phải trả khác	(1.261.001)	(17.221.658)
			(223.267.663)	**(1.084.916.855)**

(*) Đây là khoản mượn tiền không lãi suất, tín chấp từ Ông Đoàn Nguyên Đức theo Hợp đồng số 1403/2018/HĐV/N-NQT-ĐNĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2018 nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả dài hạn khác *(TM số 22)*				
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	(550.000.000)	(550.000.000)
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn tiền	(225.217.760)	(616.381.679)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Hợp tác kinh doanh	-	(514.788.889)
		Mượn tiền	(78.933.111)	(20.777.918)
			(854.150.871)	**(1.701.948.486)**
Vay ngắn hạn *(TM số 23.1 và 23.4)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay	(983.468.000)	(478.500.000)
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Trái phiếu chuyển đổi	(2.216.880.000)	-
		Vay	(746.132.000)	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Vay	-	(298.000.000)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	-	(12.091.300)
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay	-	(7.823.000)
			(3.946.480.000)	**(796.414.300)**
Vay dài hạn *(TM số 23.7)*				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay	(3.679.224.833)	(4.898.429.558)
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay	-	(126.168.000)
			(3.679.224.833)	**(5.024.597.558)**

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Ngàn VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lương, thù lao và thưởng	5.619.873	7.126.024

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

Ngàn VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	27.650.133	27.650.133
Từ 1 đến 5 năm	110.600.534	110.600.534
Trên 5 năm	1.007.761.374	1.035.411.507
TỔNG CỘNG	**1.146.012.041**	**1.173.662.174**

35. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các loại ngoại tệ:		
- Riels Campuchia (KHR)	84.386.864	241.523.551
- LAK	34.050.002	1.258.686.556
- USD	1.750.585	830.508

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết quan trọng

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

(a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;

(b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường;

(c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường;

(d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường; và

(e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng Sân bay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu số và Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, đường, cọ dầu;
- Trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác;
- Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa; và
- Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngàn VND

	Trồng cây	*Chăn nuôi*	*Thương mại và dịch vụ*	*Khác*	*Loại trừ nội bộ*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	2.210.285.404	757.655.995	299.676.384	53.403.446	-	3.321.021.229
Giữa các bộ phận	559.863.484	55.487.184	331.220.635	-	(946.571.303)	-
Tổng cộng	**2.770.148.888**	**813.143.179**	**630.897.019**	**53.403.446**	**(946.571.303)**	**3.321.021.229**
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	1.535.433.340	121.676.513	506.499.069	(2.514.999)	(946.571.303)	1.214.522.620
Chi phí không phân bổ						(905.480.308)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						309.042.312
Thu nhập tài chính						1.014.721.130
Chi phí tài chính						(854.439.086)
Chia lỗ trong công ty liên kết						(28.069.575)
Lợi nhuận trước thuế						441.254.781
Thuế TNDN hiện hành						(23.890.080)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại						113.097.948
Lợi nhuận thuần trong năm						**530.462.649**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Tài sản và nợ phải trả						
Tài sản của bộ phận	22.576.234.810	2.189.148.276	1.801.653.090	1.357.047.539	-	27.924.083.715
Tiền						53.262.986
Đầu tư vào công ty liên kết						861.491.710
Tài sản không phân bổ						3.443.341.834
Tổng tài sản						**32.282.180.245**
Nợ phải trả của bộ phận	(11.185.548.967)	(1.857.457.160)	(9.038.819.560)	(11.659.567)	-	(22.093.485.254)
Nợ phải trả không phân bổ						(35.926.607)
Tổng nợ phải trả						**(22.129.411.861)**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngàn VND

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Khác	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018						
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	3.231.448.130	126.874.935	303.281.723	26.740.589	-	3.688.345.377
Giữa các bộ phận	857.907.005	-	430.289.798	-	(1.288.196.803)	-
Tổng cộng	**4.089.355.135**	**126.874.935**	**733.571.521**	**26.740.589**	**(1.288.196.803)**	**3.688.345.377**
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	2.110.830.016	(11.331.334)	690.871.426	(892.355)	(1.288.196.803)	1.501.280.950
Chi phí không phân bổ						(1.575.740.792)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						(74.459.842)
Thu nhập tài chính						150.727.589
Chi phí tài chính						(690.572.665)
Chia lỗ trong công ty liên kết						(11.458.148)
Lỗ trước thuế						(625.763.066)
Thuế TNDN hiện hành						4.147.599
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại						(34.499.060)
Lỗ thuần trong năm						**(656.114.527)**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018						
Tài sản và nợ phải trả						
Tài sản của bộ phận	23.957.801.119	1.613.646.049	739.116.000	1.362.479.348	-	27.673.042.516
Tiền và các khoản tương đương tiền						72.447.272
Đầu tư vào công ty liên kết						299.447.924
Tài sản không phân bổ						2.486.616.571
Tổng tài sản						**30.531.554.283**
Nợ phải trả của bộ phận	(25.593.438.896)	(1.161.786.068)	(11.781.668.459)	(6.558.393)	-	(38.543.451.816)
Nợ phải trả không phân bổ						18.687.780.130
Tổng nguồn vốn						**(19.855.671.686)**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

Ngàn VND

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.712.495.133	1.310.131.636	298.394.460	3.321.021.229
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	186.235.330	856.307.845	320.475.171	1.363.018.346
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	2.629.042.598	13.655.678.863	11.639.362.254	27.924.083.715
Tiền và các khoản tương đương tiền				53.262.986
Đầu tư vào công ty liên kết				861.491.710
Tài sản không phân bổ				3.443.341.834
Tổng tài sản				**32.282.180.245**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.913.105.285	487.301.078	287.939.014	3.688.345.377
Chi phí hình thành tài sản cố định	328.077.063	607.531.429	637.999.662	1.573.608.154
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	5.025.138.438	12.201.406.693	10.446.497.385	27.673.042.516
Tiền và các khoản tương đương tiền				72.447.272
Đầu tư vào công ty liên kết				299.447.924
Tài sản không phân bổ				2.486.616.571
Tổng tài sản				**30.531.554.283**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 15.2, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Phạm Thị Lưu Ly	Phạm Xuân Hòa	Võ Thị Mỹ Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

VUI LÒNG TRUY CẬP VÀO WEBSITE

http://haagrico.com.vn/nha-dau-tu/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-thuong-nien/

Cập nhật thông tin và các chi tiết về hoạt động mới nhất của HAGL Agrico có thể xem thêm tại website

http://haagrico.com.vn/

HAGL Agrico

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Trung tâm điều hành

Địa chỉ : 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng
Tp.Pleiku, Gia Lai, Việt Nam

Tel : (+84) 269 2211 552

Fax : (+84) 269 2222 218

Email : hoanganhagrico@hagl.com.vn

www.haagrico.com.vn